

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Nguyên

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ
TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Nguyên

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Nguyên

Mã SV: 1112401401

Lớp: QT1506K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại và
thiết bị tàu thủy Đình Đô

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và thiết bị tàu thủy Đình Đô.
 - Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và thiết bị tàu thủy Đình Đô.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và thiết bị tàu thủy Đình Đô, sử dụng số liệu năm 2014.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - Công ty cổ phần thương mại và thiết bị tàu thủy Đình Đô
 - Địa chỉ: Số 414 đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đồng, An Dương, Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại và thiết bị tàu thủy Đình Đô

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngàythángnăm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NSUT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
- Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động
- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
- Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và thiết bị tàu thủy Đình Đô.
- Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

- Điểm số:
- Điểm chữ:

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2015

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Phạm Văn Tường

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
Chương 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ.....	2
1.1. Khái niệm chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:	2
1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ...	4
1.3 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.	4
1.4 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.	5
1.4.1 Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu.	5
1.4.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	5
1.4.1.2 Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty:	11
1.4.1.3 : Kế toán thu nhập khác.....	12
1.4.1.4 : Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	15
1.4.2 : Kế toán chi phí	17
1.4.2.1 : Kế toán giá vốn hàng bán.....	17
1.4.2.3 : Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	20
1.4.2.3 : tổ chức kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.....	22
1.4.2.4 : Tổ chức kế toán chi phí khác.	24
1.4.2.5 : Tổ chức kế toán CP thuế TNDN.....	25
Chương 2: MÔ TẢ VÀ PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HẠCH TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ.....	27
2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần thương mại và thiết bị tàu thủy Đình Đô	27
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty	27
2.1.2 Chức năng và nhiệm vụ của Công ty.	28
2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý.....	28
2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý ở Công ty:.....	28

2.1.4	Đặc điểm tổ chức công tác kế toán ở Công ty:.....	29
2.1.4.1.	Tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán ở Công ty:	29
2.1.4.2.	Chế độ kế toán, phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty CP TM&TB tàu thủy Đình Đô:.....	31
2.2	Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô.	32
2.2.1	Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác tại công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô	32
2.2.1.1	Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô :	32
2.2.1.2	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	41
2.2.1.3	Kế toán thu nhập khác.....	45
2.2.2	Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý kinh doanh và chi phí khác tại công ty.....	49
2.2.2.1	Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty:	49
2.2.2.2	Kế toán Chi phí hoạt động tài chính tại Công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô	54
2.2.2.3	Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp và Chi phí bán hàng tại công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô	57
2.2.2.4	Kế toán chi phí khác :	65
2.2.3	Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô.....	67
	Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP NHẪM XÁC ĐỊNH CHÍNH XÁC KẾT QUẢ TỪNG HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ	79
3.1	Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và thiết bị tàu thủy Đình Đô.....	79
3.1.1	Kết quả đạt được :	79
3.1.1.1	Về tổ chức bộ máy kế toán :.....	79
3.1.1.2	Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh :	80
3.2.	Những tồn tại trong công tác kế toán tại CT CPTM&TB tàu thủy Đình Đô	81

3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM&TB tàu thủy Đình Đô.....	82
3.3.1. Giải pháp 1: Tiến hành mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.	82
3.3.2. Giải pháp 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:	84
3.2.3. Giải pháp 3: Tiến hành việc áp dụng chính sách marketing trong công tác bán hàng.	85
3.3.4. Giải pháp 4: Ứng dụng phần mềm kế toán.....	85
KẾT LUẬN	88

PHẦN MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn luôn băn khoăn là :”Hoạt động kinh doanh hiệu quả hay không? Làm thế nào để tối đa hóa lợi nhuận?”. Thật vậy, xét về mặt tổng thể các doanh nghiệp hiện nay không những chịu tác động của các quy luật giá trị mà còn chịu tác động của quy luật cung cầu và quy luật cạnh tranh, khi sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp được thị trường chấp nhận có nghĩa là giá trị của sản phẩm dịch vụ được thực hiện, lúc này doanh nghiệp sẽ thu được một khoản tiền, khoản tiền này được thực hiện, lúc này doanh nghiệp sẽ thu được một khoản tiền, khoản tiền này được gọi là doanh thu. Nếu doanh thu đạt được có thể bù đắp toàn bộ chi phí bất biến và khả biến bỏ ra, thì phần còn lại sau khi bù đắp được gọi là lợi nhuận. Bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn lợi nhuận đạt được là tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lý, phần lớn trong các doanh nghiệp thương mại dịch vụ thì doanh thu đạt được chủ yếu là do quá trình tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm dịch vụ. Do đó, việc thực hiện hệ thống kế toán về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Thật vậy, để thấy được tầm quan trọng của hệ thống kế toán nói chung và bộ phận kế toán doanh nghiệp về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, em đã chọn đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại và thiết bị tàu thủy Đình Đô”

Nội dung nghiên cứu

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Công ty Cổ phần Thương mại và Thiết bị tàu thủy Đình Đô

Chương 2: Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức hạch toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty CP TM& TB tàu thủy Đình Đô

Chương 3: Các giải pháp nhằm xác định chính xác kết quả từng hoạt động tại Công ty CP TM & TB tàu thủy Đình Đô

Chương 1 :**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ TÀU THỦY
ĐÌNH ĐÔ****1.1. Khái niệm chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:**

Doanh thu: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kì kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không được coi là doanh thu.

Hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp được chia làm ba hoạt động cơ bản:

❖ **Hoạt động sản xuất kinh doanh:** là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản xuất hàng hóa, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán - Chi phí quản lý kinh doanh

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thêm ngoài vào bán (nếu có).

- **Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:**

+) Thuế TTBD, thuế Xuất nhập khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

+) Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán hàng giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

+) **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu với thị hiếu người mua.

+) **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm, hàng hóa(hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để các định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí quản lý kinh doanh:** Tài khoản này được dùng để phản ánh vào các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+) **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

+) **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

❖ **Hoạt động tài chính:** là hoạt động về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích nhận thêm được lợi nhuận.

Kết quả hoạt động tài chính= Doanh thu hoạt động tài chính- Chi phí hoạt động tài chính

- **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm nhưng khoản thu về lãi gửi ngân hàng, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Chi phí hoạt động tài chính :** Là tổng giá trị các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch chứng khoán.....

❖ **Hoạt động khác :** Là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

- **Thu nhập khác :** Là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp như các khoản nhận được khi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

- **Chi phí khác :** Là các khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

❖ **Kết quả kinh doanh :** Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt

động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ , kịp thời , chính xác tình hình phát sinh ngay thời điểm hiện tại và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị....

- Phản ánh đầy đủ kịp thời chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như hàng đi đường, nhập kho....

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

- Lựa chọn phương pháp tính giá vốn hàng bán sao cho phù hợp.

- Phản ánh , tính toán và ghi chép đầy đủ , kịp thời, chính xác các khoản doanh thu , các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp như : giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp... Từ đó đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả sản xuất kinh doanh.

- Phản ánh tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

- Cung cấp các thông tin cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

- Xác định được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

1.3 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

❖ **Đối với doanh nghiệp:** Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có những ý nghĩa sau:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.

- Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

Đối với nhà nước: Trên cơ sở số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mà các cơ quan thuế xác định được các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách nhà nước. Việc tổ chức kết toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với các doanh nghiệp có vốn của Nhà nước còn đem đến một nguồn thu ổn định cho Ngân sách và đảm bảo cho đầu tư Nhà nước không bị thất thoát.

Đối với các nhà đầu tư và nhà cung cấp: Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa lớn vì khi nhà tổ chức xác định được kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính sẽ phân tích được hoạt động của doanh nghiệp để ra những quyết định đầu tư đúng đắn.

Đối với tổ chức trung gian tài chính: Các số liệu về doanh thu, chi phí và kết quả sản xuất kinh doanh là căn cứ để quyết định đầu tư.

1.4 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

1.4.1 Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.4.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng: gồm 5 điều kiện như sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ: Gồm 4 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc hạch toán doanh thu:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và chi phí thu thêm ngoài giá bán(nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỉ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỉ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- TK 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” Chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kì không phân biệt doanh nghiệp thu tiền hay sẽ thu tiền.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá trị thanh toán.(Bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu).

- Nhưng doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, kí gửi theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền

cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền được chia cho số năm cho thuê tài sản.

Các phương thức bán hàng:

Ngày nay trong nền kinh tế thị trường, để thúc đẩy quá trình tiêu thụ các doanh nghiệp sử dụng rất linh hoạt các phương thức bán hàng. Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng các tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho hàng hóa. Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và ghi nhận doanh thu, tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Các phương thức bán hàng mà các doanh nghiệp thường áp dụng bao gồm các phương thức sau:

- Phương thức bán hàng trực tiếp : Là phương pháp giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất thông qua kho. Sản phẩm đã giao cho khách hàng được coi là tiêu thụ.

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng : Theo phương pháp này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hóa được thực hiện vào thời điểm bên bán ghi nhận doanh thu bán hàng.

- Phương thức bán hàng qua đại lý: Là phương thức bán hàng mà các doanh nghiệp(bên giao đại lý) giao hàng cho cơ sở(đại lý) nhận bán hàng đại lý, ký gửi để cơ sở này trực tiếp bán hàng. Số hàng giao địa lý này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên giao đại lý thì mới được coi là hàng hóa tiêu thụ và ghi nhận doanh thu. Đối với bên đại lý, hoa hồng hàng bán nhận được chính là doanh thu và phải nộp thuế GTGT trên khoản hoa hồng nhận được này.

- Phương thức bán hàng trả chậm , trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ. Khách hàng cho người mua thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để nhận được hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một khoảng thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

- Phương thức hàng đổi hàng: Là phương thức bán hàng mà DN đem sản phẩm , vật tư, hàng hóa đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không giống với của

doanh nghiệp. Giá trao đổi là giá trị hiện hành của vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương thức khấu trừ)

- Hóa đơn bán hàng thông thường(đối với những đơn vị hạch toán thuế theo phương thức trực tiếp)

- Hợp đồng kinh tế

- Phiếu thu hoặc giấy báo có của Ngân hàng

- Các chứng từ liên quan khác

❖ **Tài khoản sử dụng:** TK 511” Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Các TK cấp 2:


+) TK 5111 “ Doanh thu bán hàng hóa”

+) TK5112 “ Doanh thu bán các thành phẩm”

+) TK 5113 “ Doanh thu cung cấp dịch vụ”

+) TK 5118 “ Doanh thu khác “

❖ **Kết cấu tài khoản 511**

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> •Thuế TTĐB, thuế XK, Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. •Các khoản CKTM, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. •Kết chuyển DT thuần sang TK 911. 	 Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ, lao vụ phát sinh trong kỳ hạch toán.	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

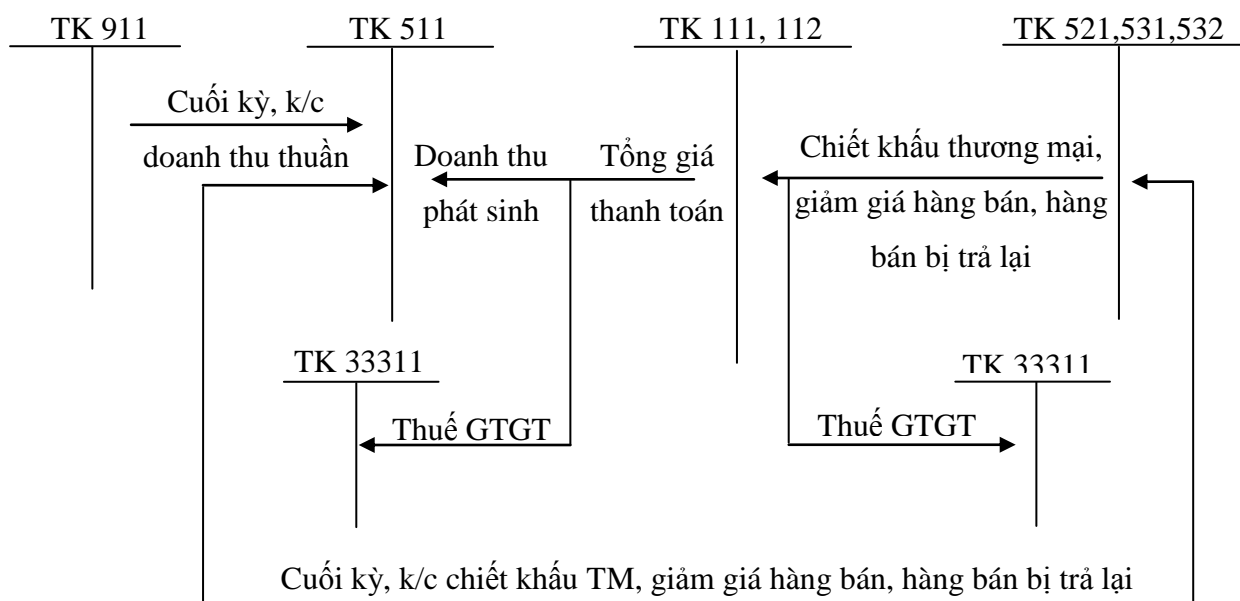
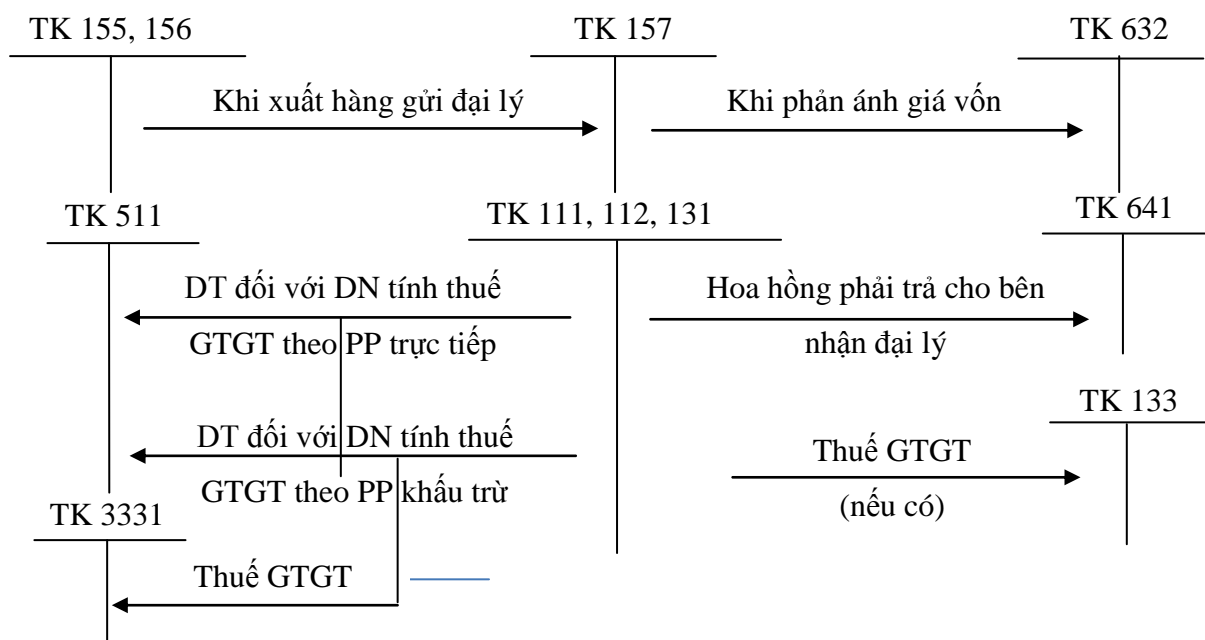
TK 511 không có số dư

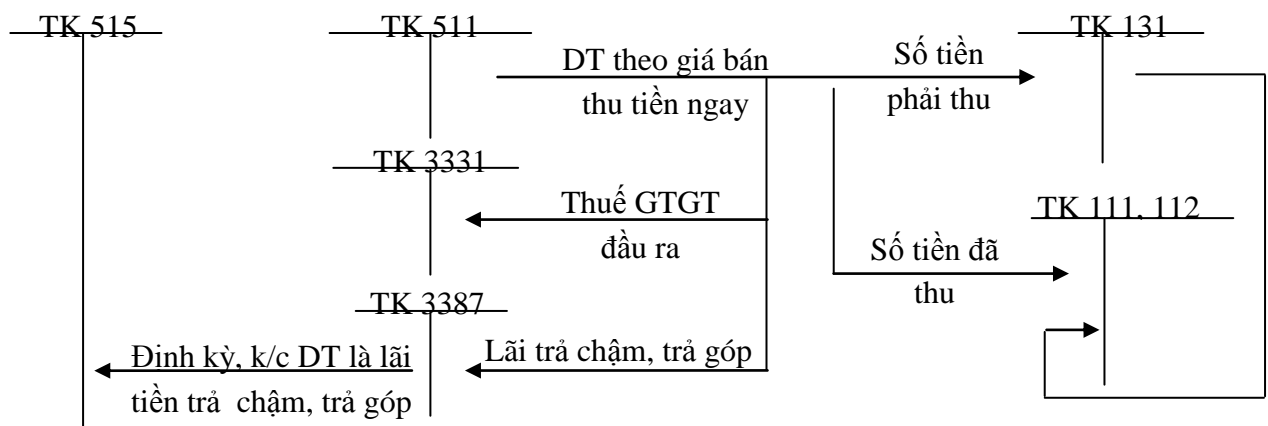
❖ **Kết cấu tài khoản 512**

Nợ	TK 512	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán; • Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ; • Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ; • - Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”. 		<ul style="list-style-type: none"> • Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 512 không có số dư cuối kỳ

-

Phương thức hạch toán**Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)****Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý****(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)****Đối với bên giao đại lý**

Sơ đồ 1.3 : Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm hoặc trả góp**1.4.1.2 Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty:****❖ Chứng từ sử dụng:**

- Giấy bảo lãnh, giấy báo có của Ngân hàng
- Bản sao kê của Ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 515” Doanh thu hoạt động tài chính”

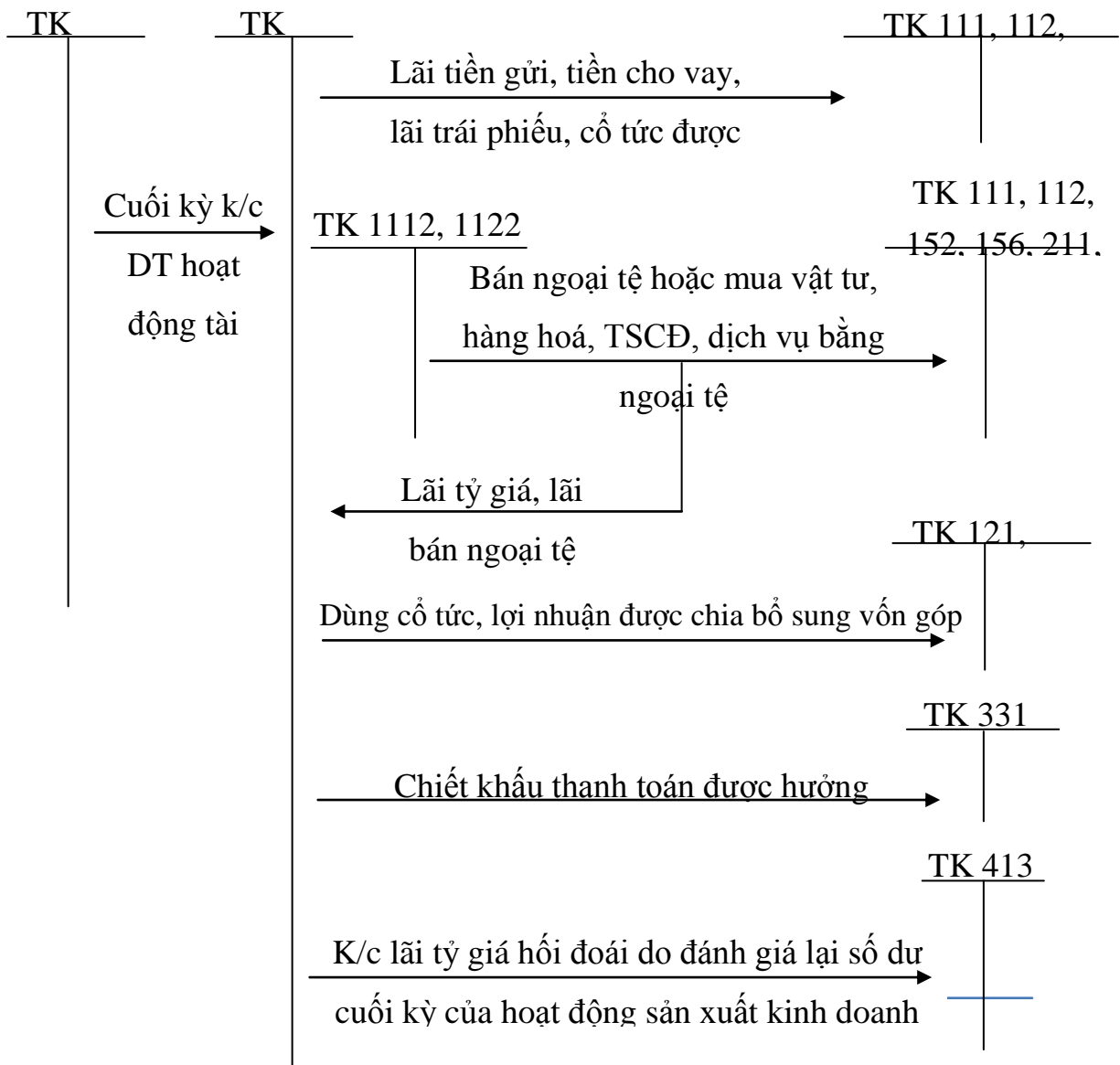
❖ Kết cấu tài khoản:**Kết cấu tài khoản 515:**

Nợ	TK515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911. 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán trả chậm, lãi tỷ giá...
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 515 không có số dư

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

**1.4.1.3 : Kế toán thu nhập khác**❖ **Chứng từ sử dụng :**

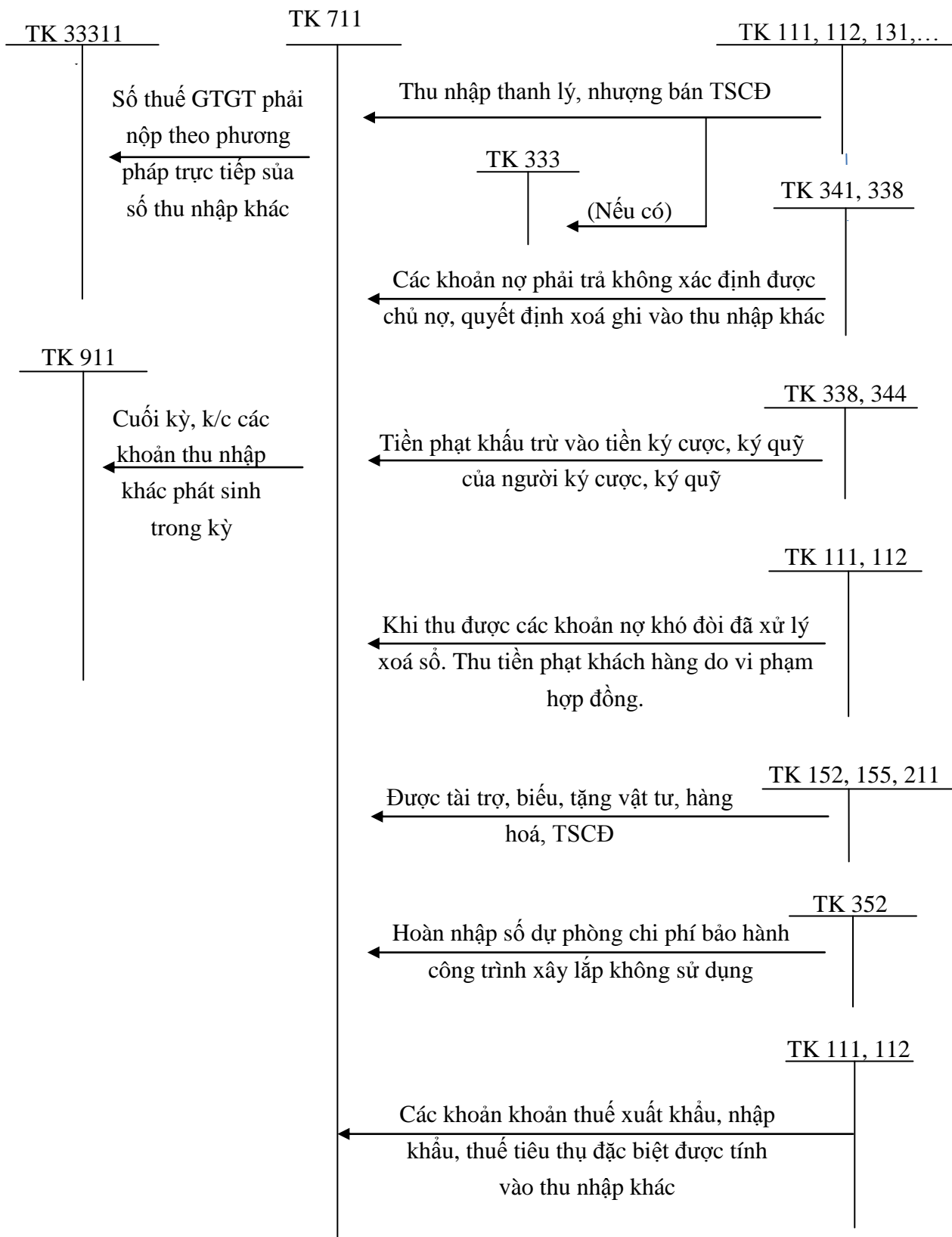
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán : phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý tài sản cố định , hợp đồng kinh tế....

❖ **Tài khoản sử dụng : TK 711 “ Thu nhập khác”**

Kết cấu tài khoản 711:

Nợ	TK711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911.		- Tập hợp thu nhập khác phát sinh trong kỳ kinh doanh.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 711 không có số dư

❖ **Phương pháp hạch toán****Sơ đồ 1.9: Kế toán thu nhập khác.**

1.4.1.4 : Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu được phản ánh trong tài khoản 521 bao gồm: Chiết khấu thương mại, giá trị hàng bán bị trả lại và các khoản giảm giá cho người mua trong kì hạch toán.

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

- Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do bán hàng kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạt hậu thị hiếu người tiêu dùng.

- Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- Ngoài ra còn sử dụng **TK 333** “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như: thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (TK 3331), thuế tiêu thụ đặc biệt (TK3332), thuế xuất khẩu (TK3333).

❖ Chứng từ sử dụng :

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.

- Hợp đồng mua bán

- Các chứng từ thanh toán kiểu như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng

- Các chứng từ liên quan như : Phiếu nhập kho hàng bị trả lại.

- **Tài khoản sử dụng :**

- TK 521- “ Chiết khấu thương mại”

- TK 531- “Hàng bán bị trả lại”

- TK 532-“ Giảm giá hàng bán”

❖ **Kết cấu tài khoản:****Kết cấu tài khoản 521,531,532**

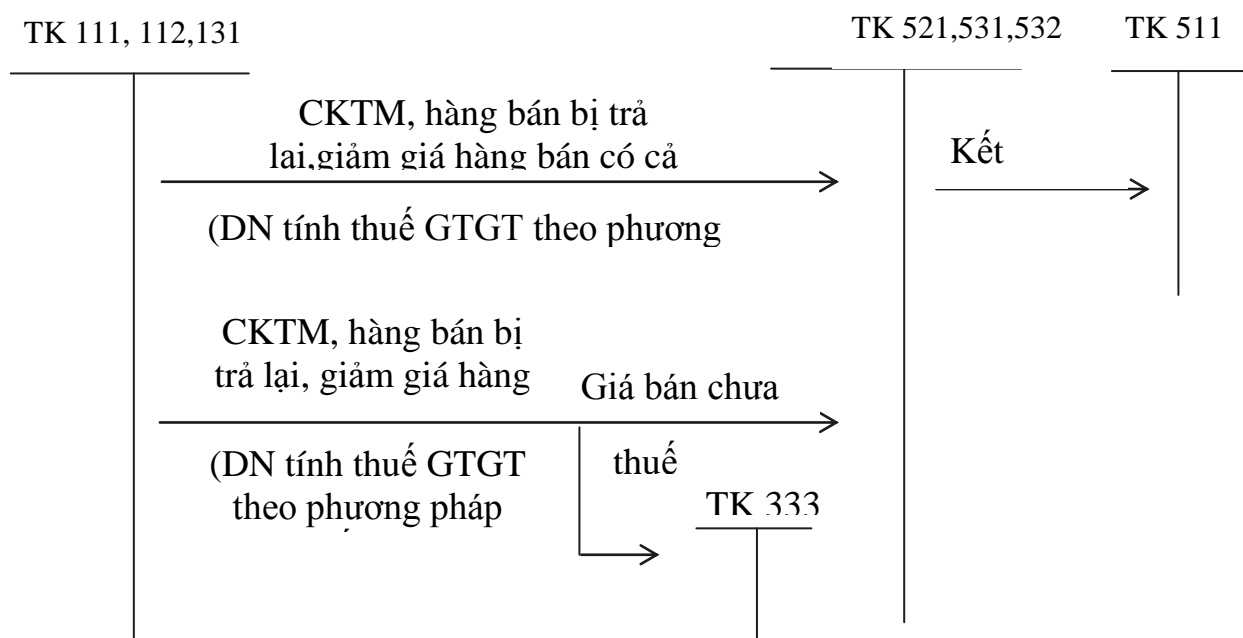
Nợ	TK 521,531,532	Có
<ul style="list-style-type: none"> •Khoản chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho KH. •Trị giá hàng bán trả lại. •Khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng hưởng. 		<ul style="list-style-type: none"> •Kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, trị giá hàng bán trả lại sang TK 511 để xác định DT thuần.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 521 không có số dư

❖ **phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.7 Kế toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

- Đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ



1.4.2 : Kế toán chi phí**1.4.2.1 : Kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm(hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ, đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Trị giá hàng xuất kho = Lượng hàng hoá xuất kho * Giá đơn vị xuất kho.

Để tính giá vốn hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính trị giá hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02: “Hàng tồn kho”:

- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).
- Phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp bình quân gia quyền gồm hai cách “

- **Bình quân gia quyền cả kỳ :**

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

- **Bình quân gia quyền liên hoàn:**

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

❖ **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sau sản xuất thì được xuất trước và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô nhập ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

❖ **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)**

LIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau sản xuất thì được xuất trước, hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

❖ **Phương pháp thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này thì khi xuất lô hàng nào thì tính giá vốn theo giá thực tế nhập kho đích danh của lô hàng đó. Giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ lúc nhập kho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Phương pháp này thích hợp đối với những hàng hóa có giá trị cao và có tính tách biệt như vàng bạc, kim loại quý hiếm....

❖ **Chứng từ sử dụng :**

- + Phiếu xuất kho
- + Các chứng từ liên quan khác.

❖ **Tài khoản sử dụng : TK 632 “Giá vốn hàng bán”**

- + Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Kết cấu tài khoản 632:

Nợ	TK632	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Phản ánh giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. • Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> • K/c giá vốn hàng bán bị trả lại. • Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. • K/c giá vốn hàng bán vào TK 911.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 632 không có số dư

Sơ đồ 1.8 : Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



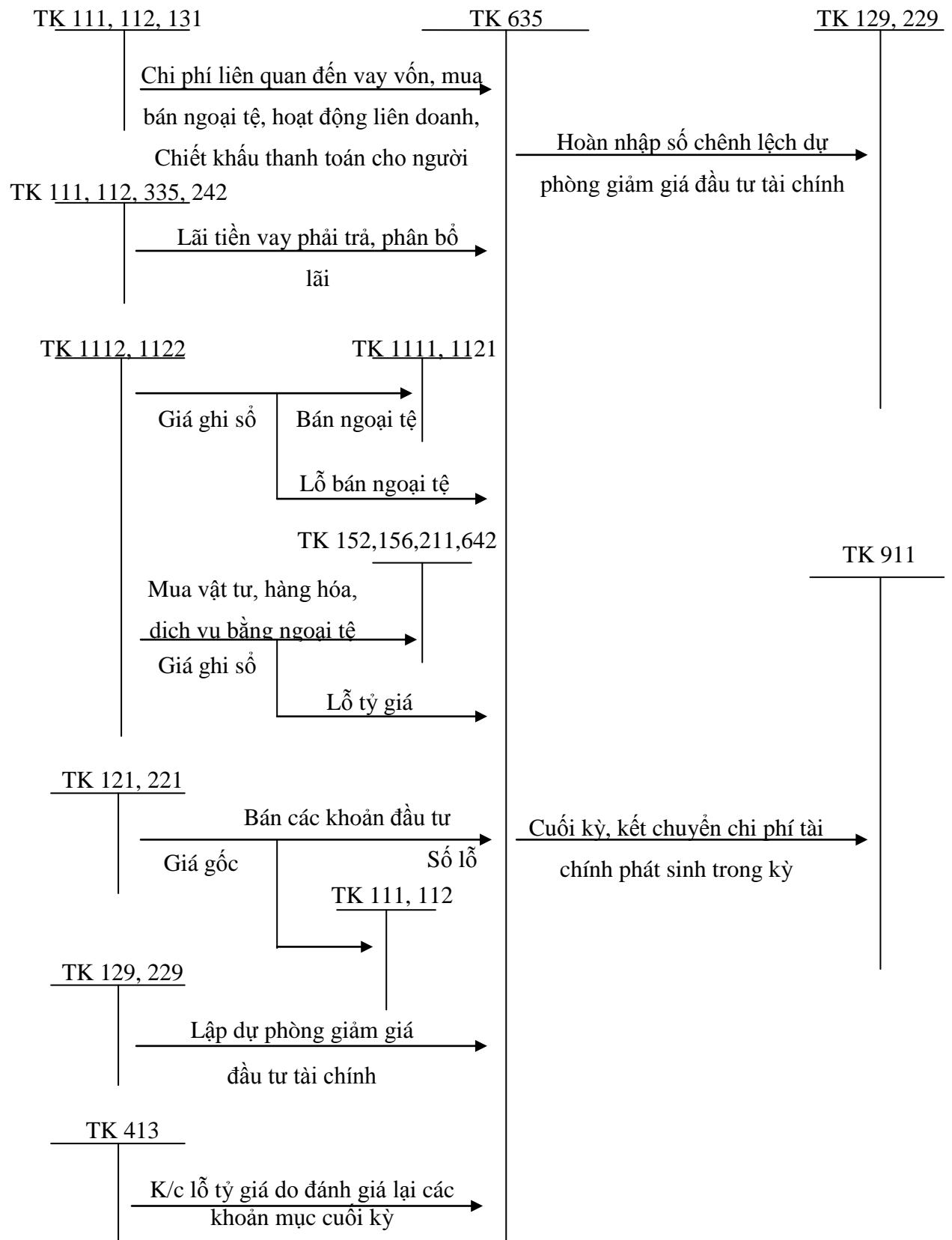
1.4.2.3 : Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính.**❖ Chứng từ sử dụng :**

- Phiếu chi, giấy báo có
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng : TK 635 “ Chi phí hoạt động tài chính**Kết cấu tài khoản 635:**

Nợ	TK 635	Có
- Tập hợp chi phí hoạt động tài chính: Chi phí đi vay, lỗ tỷ giá, chiết khấu thanh toán cho người mua,...		- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 635 không có số dư



1.4.2.3 : tổ chức kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**❖ Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi , giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ công cụ dụng cụ
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng:

- + TK641 “ Chi phí bán hàng”
- + TK642 “ Chi phí quản lý kinh doanh”

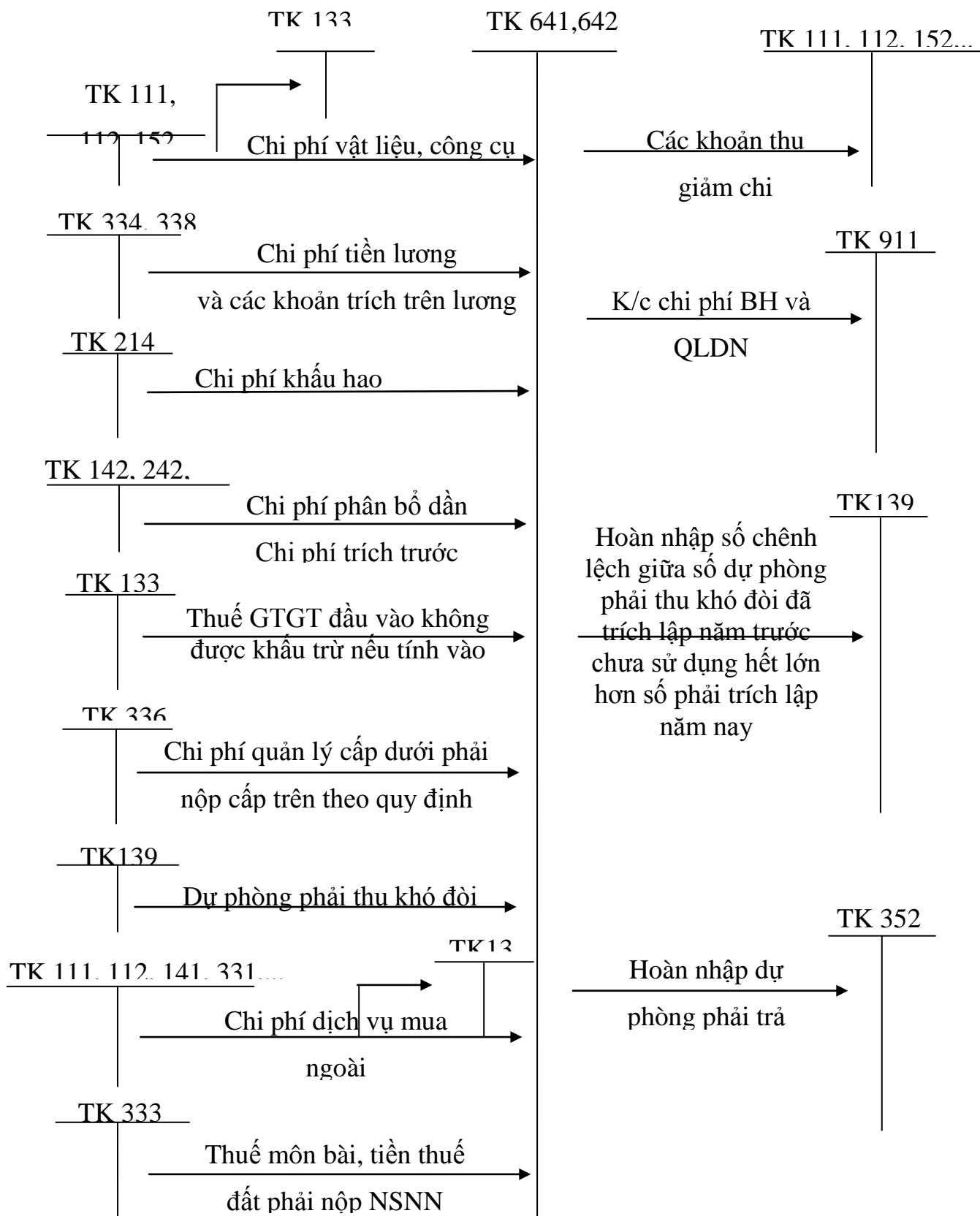
Kết cấu tài khoản 641,642:

Nợ	TK 641, 642	Có
•Tập hợp chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.		•Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 641, 642 không có số dư

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.9 : Kế toán CP bán hàng và quản lý doanh nghiệp



1.4.2.4 : Tổ chức kế toán chi phí khác.**❖ Chứng từ sử dụng :**

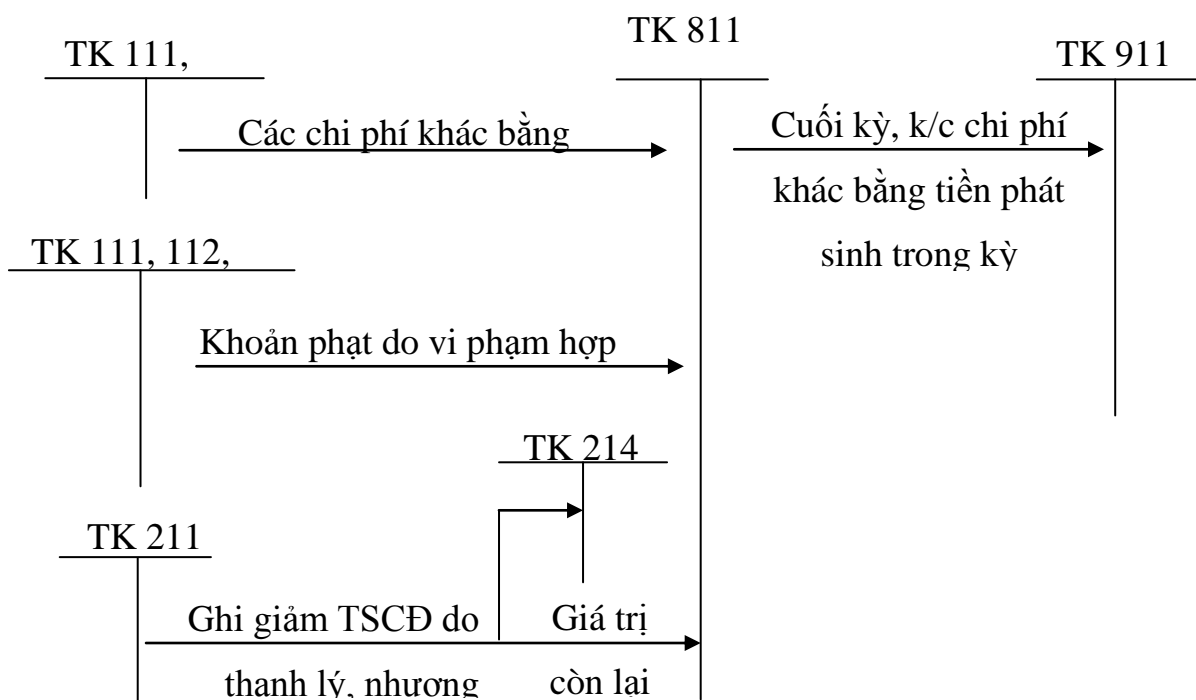
- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng : TK 811 “ Chi phí khác**Kết cấu tài khoản 811:**

Nợ	TK 811	Có
- Tập hợp chi phí khác phát sinh trong kỳ		- Kết chuyển chi phí khác sang TK 911
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 811 không có số dư

Phương pháp hạch toán



1.4.2.5 : Tổ chức kế toán CP thuế TNDN.

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

Cách xác định kết quả kinh doanh:

• **Doanh thu thuần** = DT bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu.

• **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán.

• **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh.

• **Lợi nhuận từ hoạt động khác** = Thu nhập từ hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.

• **Lợi nhuận kế toán trước thuế** = **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** + **Lợi nhuận từ hoạt động khác**

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.

- ✓ Phiếu kế toán.
- ✓ Các chứng từ liên quan khác.

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.

- ❖ Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu tài khoản 911:

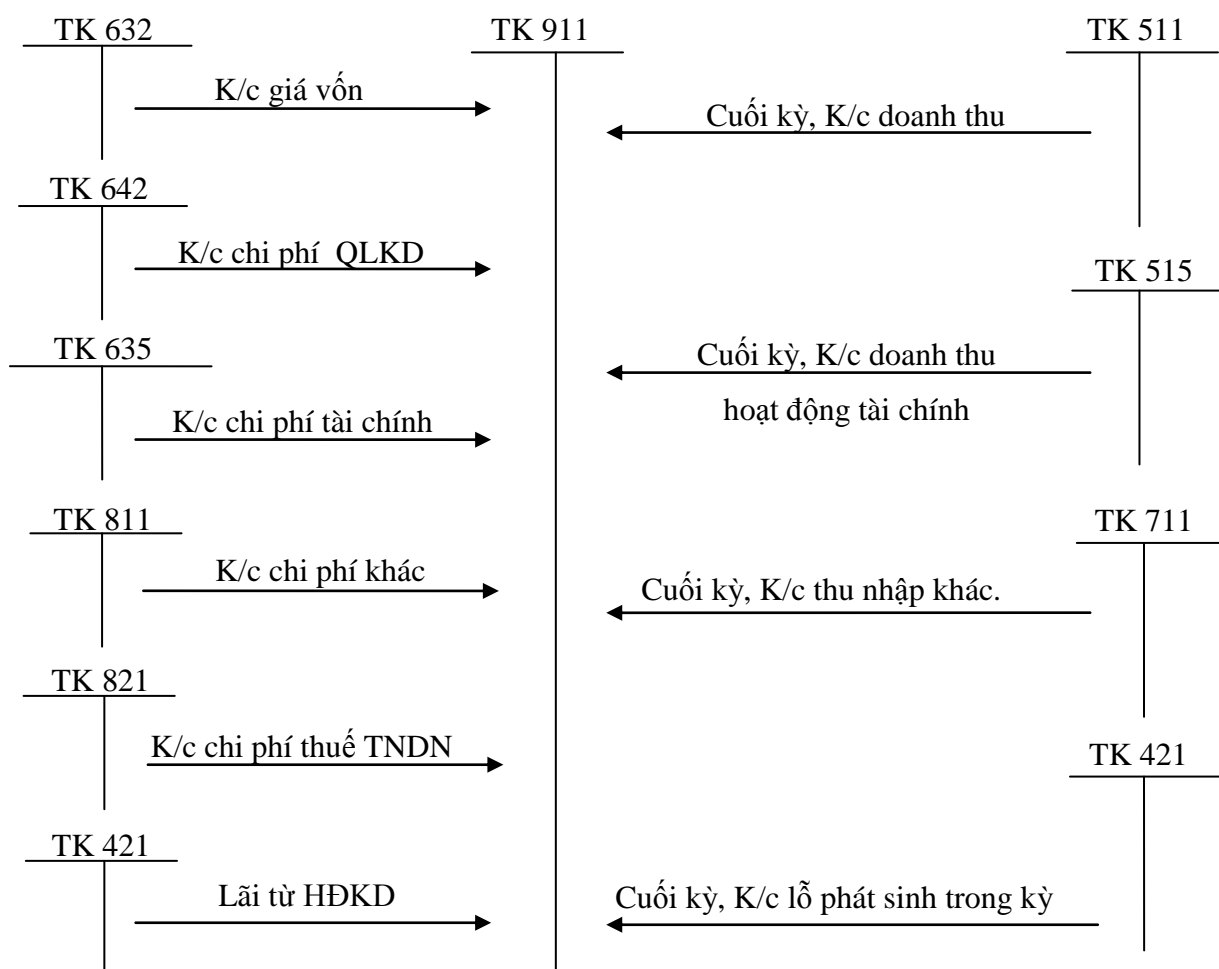
Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp CP phát sinh trong kỳ (giá vốn hàng bán, CP BH, CP QLKD, CP hoạt động tài chính, CP khác). - Kết chuyển lãi. - Kết chuyển CP thuế TNDN. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ (doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác). - Kết chuyển lỗ.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 911 không có số dư

❖ Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**Kết cấu tài khoản 821:**

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm. - Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 821 không có số dư

Sơ đồ 1: Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2:**MÔ TẢ VÀ PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HẠCH TOÁN
BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY
CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ****2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần thương mại và thiết bị tàu thủy
Đình Đô****2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty**

- Tên doanh nghiệp bằng tiếng Việt : Công Ty Cổ Phần Và Thiết Bị Tàu Thủy Đình Đô

- Địa chỉ trụ sở chính : Số 414 đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

- Quá trình hình thành: Trước là công ty TNHH thương mại và thiết bị tàu thủy Đình Đô GCN ĐKKD số 02020011511 cấp ngày 27/10/2013 và đăng kí lần đầu vào ngày 30 tháng 06 năm 2008.

- MST : 0203004486

- Ngành nghề kinh doanh :

S TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	35920
2	Sản xuất thiết bị tàu thủy	32900
3	Đóng mới tàu chở hàng từ 200 tấn đến 3500 tấn	33120
4	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	33200
5	Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng tàu thủy	46599

- Vốn điều lệ : 417.522.588.150 đồng An Dương, Hải Phòng.

- Hình thức công ty : Công ty là công ty Cổ Phần. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số cổ phần

của mình. Mọi hoạt động của công ty được điều chỉnh bởi Luật Doanh Nghiệp, các quy định có liên quan của luật pháp nước Cộng hòa xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam và điều lệ công ty

2.1.2 Chức năng và nhiệm vụ của Công ty.

- Công ty có nhiệm vụ sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đúng chế độ hiện hành.

- Tuân thủ hợp đồng kinh tế đã ký, đảm bảo chữ tín đối với bạn hàng.

- Nắm bắt khả năng sản xuất kinh doanh, nhu cầu của thị trường để tổ chức sản xuất kinh doanh hợp lý.

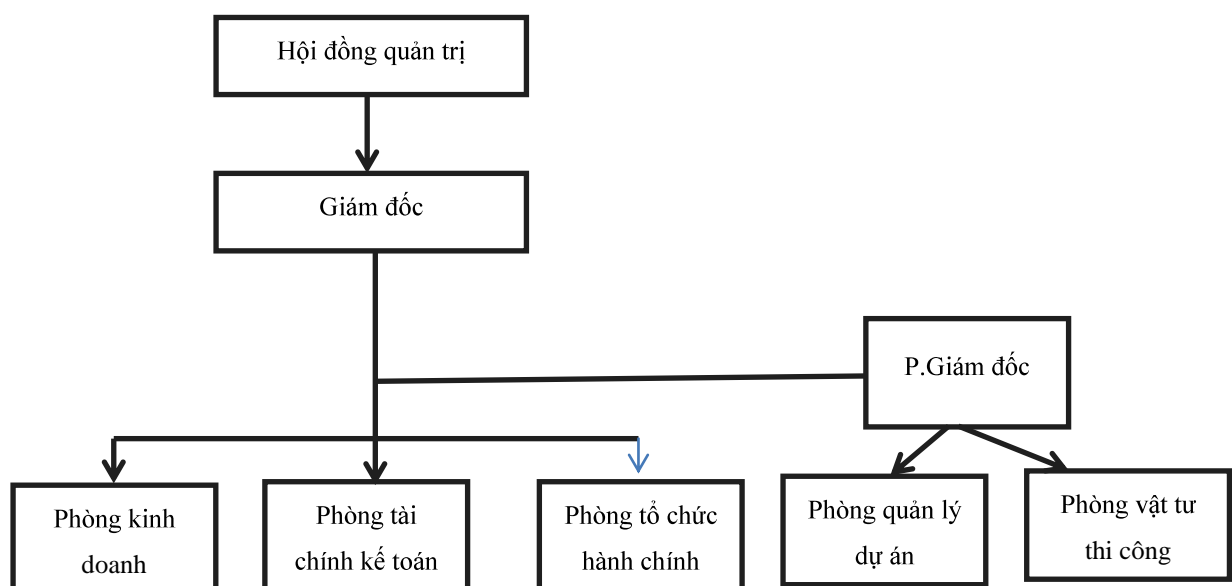
- Chấp hành và thực hiện nghiêm chỉnh chế độ nộp ngân sách nhà nước, đồng thời đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động.

2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý

2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý ở Công ty:

Trong bất kì doanh nghiệp nào việc tổ chức bộ máy quản lý hết sức cần thiết và không thể thiếu được, nó đảm bảo tính chặt chẽ tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Các bộ phận trong bộ máy quản lý phải có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, được phân cấp trách nhiệm và quyền hạn đảm bảo chức năng quản lý và điều hành của công ty.

Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý công ty CPTM&TB tàu thủy Đình Đô



- Chức năng nhiệm vụ cơ bản của từng bộ phận quản lý như sau:

1. Hội đồng quản trị :

- Là cơ quan cao nhất của công ty.
- Có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi việc liên quan đến mục đích quyền lợi của công ty.

2. Giám đốc

- Tổ chức và điều hành các lĩnh vực hoạt động của công ty
- Quy định quyền hạn, trách nhiệm của các thành viên trong hệ thống quản lý
- Cung cấp đầy đủ quyền lực để duy trì hoạt động của cả hệ thống công ty.

3. Phòng tổ chức hành chính:

- đảm bảo công tác hành chính, văn thư của Công ty
- phụ trách quản trị kiến thức cơ bản của phòng Công ty.

4. Phòng tài chính,kế toán:

- Theo dõi tình hình Tài sản của Công ty
- Xác định nhu cầu về vốn, tình trạng luân chuyển vốn
- Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện toàn bộ công tác tính giá thành,
- Theo dõi tình hình hiện có và sự biến động của các loại Tài sản trong Công ty để cung cấp thông tin chính xác cho ban giám đốc lập báo cáo Tài sản.

5. Phòng quản lý dự án:

- lập kế hoạch sản xuất, điều độ, phân bổ kế toán cho từng phân xưởng sản xuất, theo dõi tiến độ sản xuất.

6. Phòng kinh doanh:

- cung cấp vật tư,vật liệu theo nhu cầu sản xuất, quản lý thành phẩm nhập kho, theo dõi tiêu thụ sản phẩm.

7. Phòng vật tư thi công:

- chế thử mẫu mã, đưa ra và theo dõi kỹ thuật quy trình công nghệ, quy cách sản phẩm, chất lượng sản phẩm sản xuất.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán ở Công ty:

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán ở Công ty:

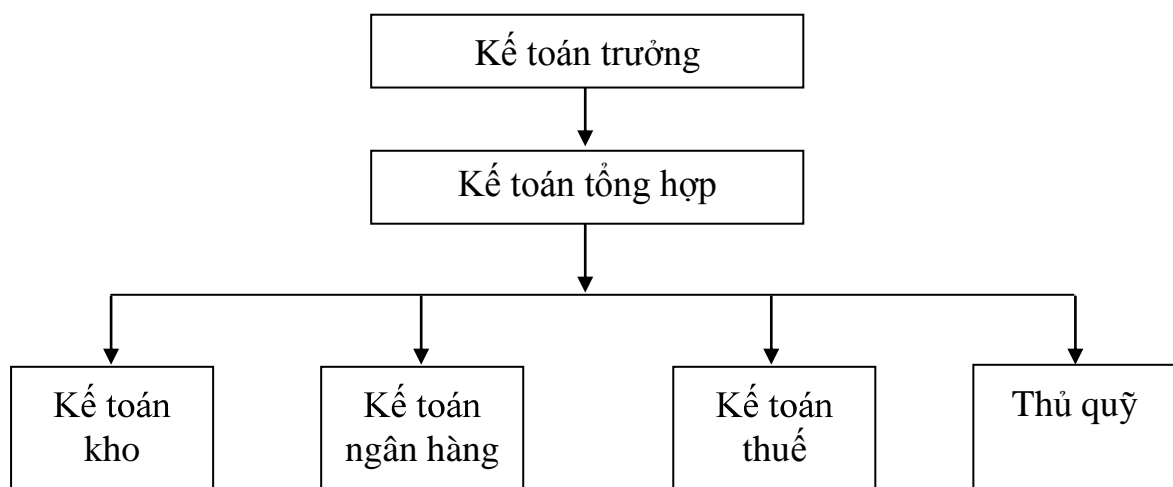
Xuất phát từ đặc điểm tổ chức quản lý, bộ máy kế toán của Công ty được

tổ chức theo hình thức kế toán tập trung.

Công ty có phòng kế toán (phòng tài vụ). ở các phân xưởng sản xuất không tổ chức bộ máy kế toán riêng mà chỉ bố trí nhân viên thống kê làm nhiệm vụ thu thập kiểm tra chứng từ, ghi chép sổ sách, hạch toán nghiệp vụ phục vụ yêu cầu quản lý phân xưởng lập báo cáo phân xưởng và chuyển chứng từ về phòng Tài vụ của công ty để xử lý và tiến hành ghi sổ kế toán:

Bộ máy kế toán của Công ty có nhiệm vụ tổ chức thực hiện toàn bộ công tác kế toán, công tác thống kê trong phạm vi Công ty.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty



Chức năng của từng nhân viên trong phòng kế toán:

- Kế toán trưởng: là trưởng phòng kế toán có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc, báo cáo số liệu cụ thể kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cho Giám đốc, tổ chức lãnh đạo chung cho toàn phòng, làm công tác đối nội, đối ngoại, ký kết hợp đồng kinh tế.

- Kế toán tổng hợp: là phó phòng kế toán, là người trực tiếp giúp việc cho kế toán trưởng khi kế toán trưởng đi vắng, ngoài ra còn làm công việc kế toán tổng hợp.

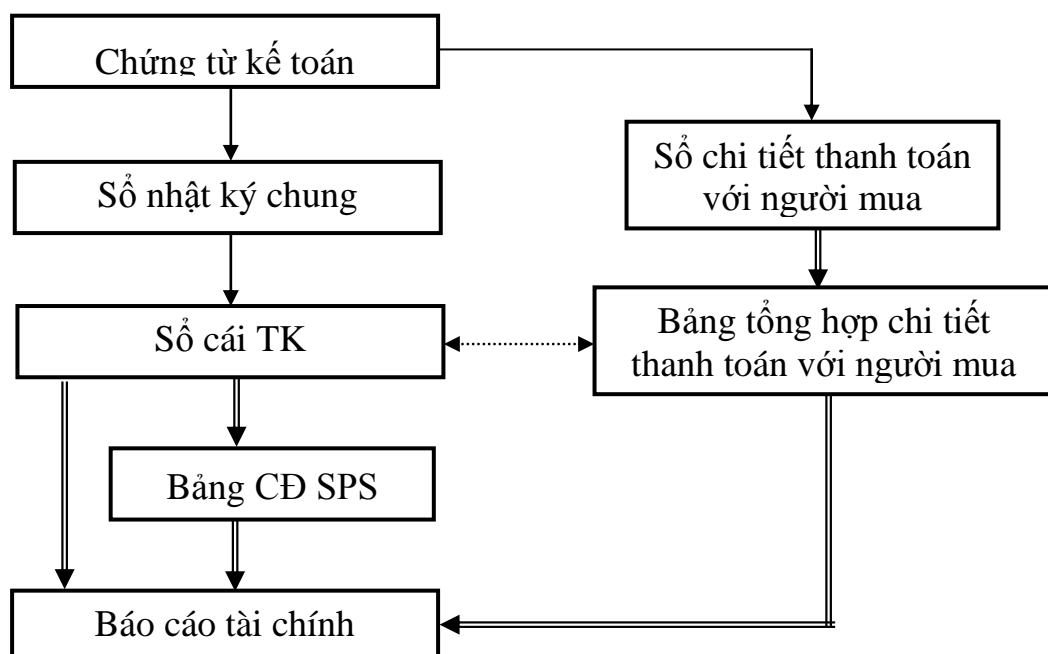
- Kế toán ngân hàng kiêm kế toán thanh toán: Viết phiếu thu, phiếu chi, phát hành Séc, có quan hệ giao dịch theo dõi các khoản công nợ với khách hàng và các nhà cung cấp.

- Kế toán Kho: theo dõi việc mua, bán và xuất vật liệu.

- Thủ quỹ : chịu trách nhiệm quản lý quỹ, thu chi tiền mặt hoặc các chứng khoán có giá trị. Kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn, quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời và đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền.

2.1.4.2. Chế độ kế toán, phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty CP TM&TB tàu thủy Đình Đô:

- Công ty áp dụng đầy đủ chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.
- Niên độ kế toán : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm
- Công ty sử dụng tiền Việt Nam Đồng là loại tiền chính trong hệ thống kế toán.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho. Kê khai thường xuyên
- Hình thức kế toán : Hình thức kế toán nhật ký chung..
- Phương pháp sử dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.
- Tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp giá đích danh.
- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung
 - **Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức nhật ký chung của công ty CPTM&TB tàu thủy Đình Đô**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào sổ Nhật ký chung và các sổ có liên quan. Cuối tháng khoá sổ, tổng hợp các nghiệp vụ và số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung, đối chiếu với bảng tổng hợp liên quan ghi trực tiếp vào Sổ Cái các tài khoản. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô.

2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác tại công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô

2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô :

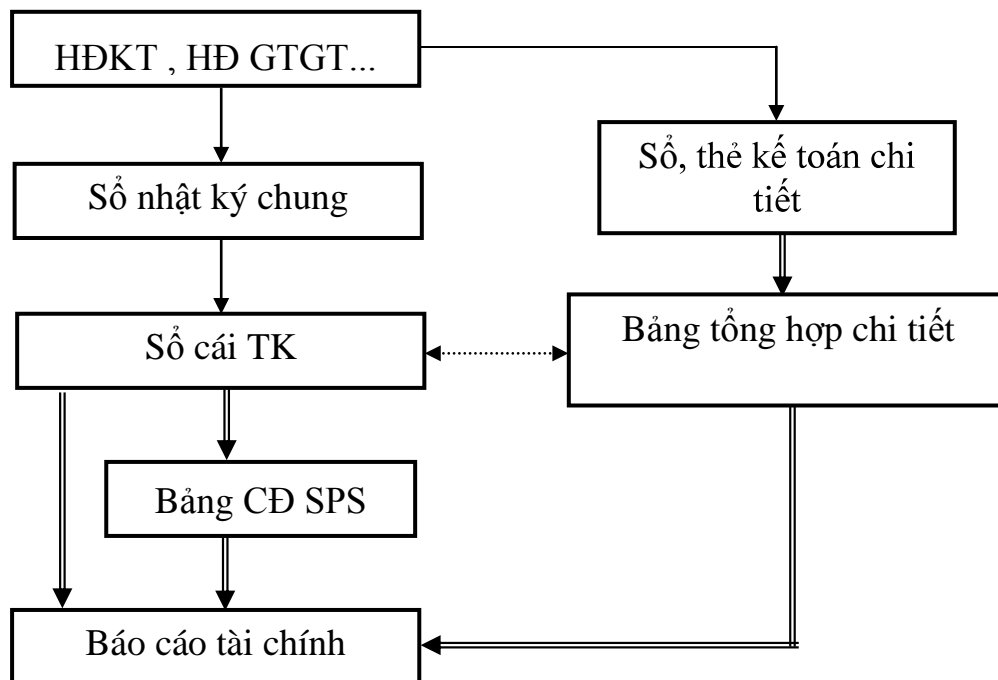
- Chứng từ sử dụng:
 - Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu thu
- Các chứng từ liên quan
- Tài khoản sử dụng
 - TK 511 “ Doanh thu bán hàng”

Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan: TK111, TK112, TK131

Phương thức bán hàng : Phương thức bán hàng trực tiếp

- Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào những chứng từ gốc, kế toán ghi số liệu vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào những số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 511, 131, 111, 112.... Đồng thời từ các chứng từ gốc ghi vào các sổ chi tiết TK 131....

Cuối kì, từ sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp chi tiết TK 131. Tiếp đó kế toán tổng hợp số liệu từ Sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết để lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó căn cứ vào Sổ cái và bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính

Ví dụ 01: Ngày 03/12/2014, bán tời kéo tàu biển cho công ty CP đóng tàu Hoàng Gia, giá bán chưa thuế 30.000.000 đ (VAT 10%), chưa thanh toán. Lô hàng này có giá vốn là 25.000.000 đ

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000627

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 3: Nội bộ) Ngày 03 tháng 11 năm 2014				Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/14P Số: 0000627	
Đơn vị bán hàng: Công ty CPTM&TB tàu thủy Đình Đô. Địa chỉ: Số 414 đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, HP. Mã số thuế: 0203004486 Điện thoại: 0313.571.844 Số tài khoản: 0031000142594 tại Ngân hàng: Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam Vietcombank - CN An Dương					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty CP đóng tàu Hoàng Gia Địa chỉ: 215 Lạch Chay – Quận Ngô Quyền- tp Hải Phòng. Số tài khoảnTK: 102010001558962 tại ngân hàng: TMCP công th- ơngVN - CNHải Phòng. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Mã số thuế: 0200380470					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tời kéo tàu biển	Bộ	1	30.000.000	30.000.000
Cộng tiền hàng:				30.000.000	
Thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 3.000.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:				33.000.000	
<i>Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu đồng chẵn./</i>					

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

VD2: Ngày 15/11/2014, Công ty bàn giao tàu TB26 đóng mới có trọng tải 2.000 tấn cho Công ty vận tải biển Thái Hải có tổng trị giá 14.527.927.000 đồng, chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Con tàu có tổng giá thành là 13.860.520.000 đồng. Công ty vận tải biển Thái Hải đã ứng trước cho Công ty CPTM&TB tàu thủy Đình Đô 5.000.000.000 đồng khi ký hợp đồng kinh tế, số còn lại sẽ chuyển trả DN 1 tháng sau khi nhận tàu.

Định khoản:	Bt1: Nợ TK 632	:	13.860.520.000
	Có TK 154	:	13.860.520.000
	Bt1: Nợ TK 131	:	15.980.719.700
	Có TK 511	:	14.527.927.000
	Có TK 3331	:	1.452.792.700

Ngày 15/12/2014, công ty tổ chức nghiệm thu và lễ bàn giao tàu TB26 cho khách hàng (Biểu số 2.2).

Biểu số 2.2: Biên bản bàn giao tàu TB26

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

===***===

BIÊN BẢN BÀN GIAO

Tên sản phẩm: Tàu 2.000 tấn –TB26

Thực hiện hợp đồng kinh tế số 15/2013 ký ngày 15/11/2013 giữa công ty CPTM&TB tàu thủy Đình Đô và công ty TNHH VTB Thái Hải v/v đóng mới tàu biển 2.000 tấn – TB26.

Hôm nay, ngày 15 tháng 11 năm 2014 tại công ty CPTM&TB tàu thủy Đình Đô gồm có:

Bên A: CÔNG TY CPTM&TB tàu thủy Đình Đô

- Đại diện là ông: Nguyễn Hồng Đức - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 414 Tôn Đức Thắng, An Đồng, AD, HP

Bên B: CÔNG TY TNHH Vận tải biển Thái Hải

- Đại diện là ông: Đào Xuân Hải - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Hợp Thành - Thủy Nguyên - Hải Phòng.

Cùng nhau lập biên bản bàn giao với nội dung sau:

1. Công ty CPTM&TB tàu thủy Đình Đô bàn giao cho Công ty TNHH VTB Thái Hải đưa vào sử dụng tàu 2.000 tấn –TB26.
2. Tàu TB26 được đóng mới theo thiết kế số do đăng kiểm Việt Nam duyệt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy phạm đóng mới tàu biển vỏ thép hiện hành của Đăng kiểm Việt Nam.
3. Công ty TNHH VTB Thái Hải đã kiểm tra và đồng ý nhận bàn giao tàu TB26.

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Đồng thời, xuất kèm HD GTGT về việc bàn giao tàu đóng mới:

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000636

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 3: Nội bộ) Ngày 15 tháng 11 năm 2014	Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/14P Số: 0000636				
Đơn vị bán hàng: Công ty CPTM&TB tàu thủy Đình Đô. Địa chỉ: Số 414 đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, HP. Mã số thuế: 0203004486 Điện thoại: 0313.571.844 Số tài khoản: 0031000142594 tại Ngân hàng: Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam Vietcombank - CN An Dương					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Vận tải biển Thái Hải Địa chỉ: Thị trấn Diêm Điền - Thái Thụy - Thái Bình. Số tài khoảnTK: 102010001558962 tại ngân hàng: TMCP công th-ơng VN - CN Thái Bình. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Mã số thuế: 1000426178					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tàu TB26	Chiếc	1	14.527.927.000	14.527.927.000
Cộng tiền hàng:					14.527.927.000
Thuế GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT:1.452.792.700
Tổng cộng tiền thanh toán:					15.980.719.700
Số tiền viết bằng chữ: Mười lăm tỷ chín trăm tám mươi triệu bảy trăm mười chín ngàn bảy trăm đồng chẵn./					

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.4: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2014

CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ
Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
		
03/11	HĐ 0000627	03/11	Doanh thu tời kéo tàu biển	131	33.000.000	
				511		30.000.000
				3331		3.000.000
		
15/11	HĐ 0000636	15/11	Doanh thu bán tàu cho Công ty VTB Thái Hải	131	15.980.719.700	
				511		14.527.927.000
				3331		1.452.792.700
		
			Cộng SPS		<u>748.934.158.169</u>	<u>748.934.158.169</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Và ghi sổ cái TK 511, doanh thu bán hàng:

Biểu số 2.5: Trích Sổ cái TK 511 năm 2014

CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ

Mẫu số S03b – DN

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
			SPS trong tháng			
		
03/11	HĐ 0000627	03/11	Doanh thu bán tời kéo tàu biển	131		30.000.000
		
15/11	HĐ 0000636	15/11	Doanh thu bán tàu TB26	131		14.527.927.000
		
30/11	PKT05	30/11	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	19.039.665.417	
			Cộng SPS		<u>87.287.495.979</u>	<u>87.287.495.979</u>
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

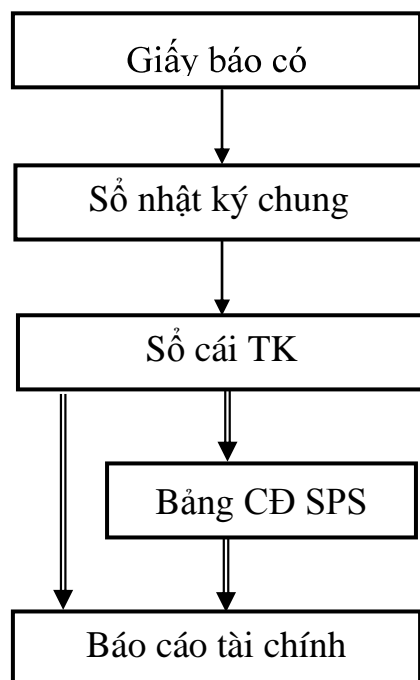
Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

2.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo có
 - Các chứng từ liên quan
 - Tài khoản sử dụng
 - TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 - Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 17: Sơ đồ hạch doanh thu bán hàng tại công ty CP TM và TB tàu thủy
Đình Đô

**Ghi chú:**

- | | |
|------------------------------|---------|
| Ghi hàng ngày | → |
| Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ | ==> |
| Quan hệ đối chiếu, kiểm tra | ←.....→ |

Hàng ngày căn cứ vào những chứng từ gốc, kế toán ghi số liệu vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào những số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 515...

Cuối kì, kế toán tổng hợp số liệu từ Sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa: Ngày 19/12/2014, công ty nhận được lãi tiền gửi ngân hàng của ngân hàng Á Châu, số tiền 750.000

Biểu số 2.6: Giấy báo có

Ngân hàng TM CP Á Châu	Liên 2 : giao cho khách hàng
GIẤY BÁO CÓ	
Đơn vị: Chi Nhánh Duyên Hải	Số/seri:
MST : 0301452948-029	Ngày 18/12/2014
Số tài khoản :	Ngân hàng Á Châu xin trân trọng thông báo
Kính gửi: Công ty CP TM và TB Tàu thủy	Hôm nay tài khoản của quý khách
MST :0200566829	được ghi có như sau
Người hưởng : công ty CP TM và TB Tàu thủy Đình Đô	
Diễn giải : trả tiền lãi	Số tiền
Số tiền ghi có	750.000
Phí dịch vụ	
Thuế VAT	
Tổng số tiền ghi có	750.000
Thực hiện giao dịch	CB kiểm soát giao dịch
Người lập	Kiểm soát
	Giám đốc

Biểu số2.7: Trích sổ Nhật kí chung năm 2014

CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ
Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
		
	BC318	19/12	Lãi ngân hàng	11212	750,000	
				515		750,000
		
			Cộng SPS		748,934,158,169	748,934,158,169

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8: Trích Sổ cái TK 515 năm/2014**CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ****Mẫu số S03b – DN**

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)***Năm 2014*

Tên tài khoản: Doanh thu tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng

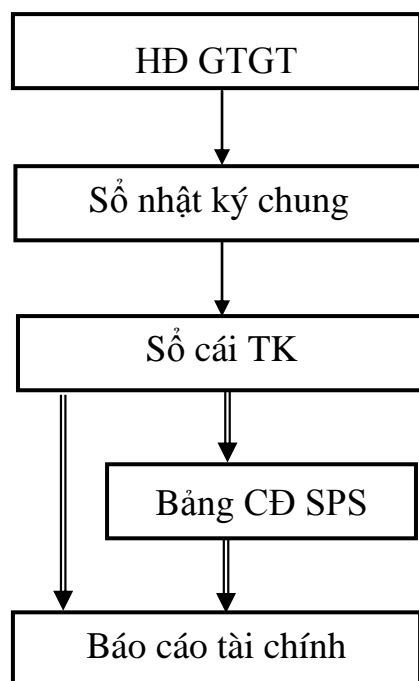
NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng		-	-
			SPS trong tháng			
		
19/12	BC318	19/12	Lãi ngân hàng Á Châu	11212		750,000
		
31/12	PKT 54	31/12	Kết chuyển DT từ HĐTC	911	107,625,140	
			Cộng SPS		107,625,140	107,625,140

*Ngày 31 tháng 12 năm 2014***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

2.2.1.3 Kế toán thu nhập khác

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu thu
 - Hóa đơn giá trị gia tăng
 - Các chứng từ khác liên quan
 - Tài khoản sử dụng
 - TK711 “Thu nhập khác”
 - TK7111: Thưởng, Bồi thường
 - TK7112: Thu nhập khác: Thanh lý, nhượng bán TSCĐ
 - TK7113: Thu nhập khác
 - Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 18: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác tại công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô

**Ghi chú:**

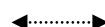
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



Ví dụ minh họa: Ngày 28 tháng 12 năm 2014, nhượng bán xe ô tô Toyota 16H 7384 (Số khung: 5AF987653, Số máy: FPYC790542, bốn chỗ) cho công ty Lisemco 2, số tiền thu được là 350.000.000đ (chưa VAT 10%), chưa thanh toán

Biểu số 2.9: Biên bản thanh lý TSCĐ

CTY CP TM &TB tàu thủy CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đình Đô Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 106/BBTLTSCĐ

BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

- Căn cứ thông tư số 37/TT/TCKT ngày 25/2/2006 của Bộ Trưởng Bộ GTVT về việc hướng dẫn chế độ thanh lý TSCĐ
- Căn cứ kế hoạch thanh lý TSCĐ của Cty Cổ phần Thương mại và Thiết bị tàu thủy Đình Đô
- Căn cứ quyết định số: 12 ngày 01 tháng 12 năm 2014

Nay thành lập hội đồng thanh lý gồm:

Ông: Nguyễn Văn Nam	Chức vụ: Giám đốc công ty
Bà: Mai Văn Hòa	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Nguyễn Hữu Chiến	Chức vụ: Thanh tra

Đã tiến hành thị sát xem xét cụ thể:

Tên TSCĐ: xe ô tô Toyota Số hiệu ghi TSCĐ: BKS 16H - 7384

Qui cách: xe chở người Đặc điểm: màu sơn trắng

Số khung: 5AF987653 Số máy: FPYC790542

Khấu hao cơ bản đã tính đến ngày: 31/12/2014

Đưa vào sử dụng: 2009

Đã sửa chữa lớn: 01 lần, Số tiền: 20.000.000

1/ Trạng thái kỹ thuật: bình thường

2/ Nguyên nhân thanh lý: đổi mới nâng cao chất lượng xe.

3/ Giá trị còn lại: 400.000.000

4/ Giá trị thu hồi: 350.000.000đ

Kết luận và kiến nghị của Hội đồng: đồng ý thanh lý xe ô tô TOYOTA 16H - 7384

THANH TRA

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Biểu số 2.9: HĐ GTGT số 679

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 3: Nội bộ) Ngày 28 tháng 12 năm 2014				Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/14P Số: 0000679	
Đơn vị bán hàng: Công ty CPTM&TB tàu thủy Đình Đô. Địa chỉ: Số 414 đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, HP. Mã số thuế: 0203004486 Điện thoại: 0313.571.844 Số tài khoản: 0031000142594 tại Ngân hàng: Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam Vietcombank - CN An Dương					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty CP LISEMC02 Địa chỉ: km35- Quốc lộ 16 Quán Toan, An Lão Số tài khoản TK: 205010002388972 tại ngân hàng: TMCP công th- ơng VN - CN An Lão. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Mã số thuế: 0200786983					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Oto Toyota	chiếc	1	350.000.000	350.000.000
Cộng tiền hàng:.....					350.000.000
Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:.....					35.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:.....					385.000.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm tám lăm triệu đồng chẵn.</i>					

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.10: Trích sổ NKC năm 2014

CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ
Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
		
28/12	HD679	28/12	Thanh lý oto toyota cho công ty CP LISEMCO2	131	385,000,000	
				711		350,000,000
				333.1		35.000.000
		
			Cộng SPS		<u>748.934.158.169</u>	<u>748.934.158.169</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.11: Trích sổ cái TK 711 năm 2014**CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ****Mẫu số S03b – DN****Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP****(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC****ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)****SỔ CÁI****(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)****Năm 2014****Tên tài khoản: Thu nhập khác****Số hiệu: 711****Đơn vị tính: Đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng		-	-
			SPS trong tháng			
		
28/12	HĐ679	28/12	Thanh lý Oto Toyota	131		350.000.000
		
			Cộng SPS		<u>1,166,912,575</u>	<u>1,166,912,575</u>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2014***Giám đốc****Kế toán trưởng****Người ghi sổ***(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)*

2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý kinh doanh và chi phí khác tại công ty.

2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty:

VD1: Ví dụ 01: Ngày 03/12/2014, bán rời kéo tàu biển cho công ty CP đóng tàu Hoàng Gia, giá bán chưa thuế 30.000.000 đ (VAT 10%), chưa thanh toán. Lô hàng này có giá vốn là 25.000.000 đ

Định khoản: Bt1: Nợ TK 632 : 25.000.000

Có TK 155 : 25.000.000

Bt2: Nợ TK 131 : 33.000.000

Có TK 511 : 30.000.000

Có TK 3331: 3.000.000

Biểu 2.12: Phiếu xuất kho**Đơn vị: Công ty CPTM&TB tàu thủy Đình Đô****Mẫu 02 – VT****Địa chỉ: Số 414 Tôn Đức Thắng, An Đồng, AD, HP****(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)****PHIẾU XUẤT KHO****Họ và tên người nhận hàng: Phạm Văn Trung****Số: 7/11****Địa chỉ: Phòng Kinh Doanh****Nợ TK****Lý do xuất kho: Xuất bán cho công ty CP đóng tàu Hoàng****632****Gia****Có TK 155****Xuất tại kho công ty**

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Tời kéo tàu biển		Bộ	01	01	25.000.000	25.000.000
	Tổng cộng						25.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi lăm triệu đồng chẵn./**Số chứng từ gốc kèm theo: 01****Ngày 03 tháng 8 năm 2014****Giám đốc**
*Đã ký***Kế toán trưởng**
*Đã ký***Người lập phiếu**
*Đã ký***Người nhận hàng**
*Đã ký***Thủ kho**
Đã ký

VD: Ngày 15/11/2014, Công ty bàn giao tàu TB26 đóng mới có trọng tải 2.000 tấn cho Công ty vận tải biển Thái Hải có tổng trị giá 14.527.927.000 đồng, chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Con tàu có tổng giá thành là 13.860.520.000 đồng. Công ty vận tải biển Thái Hải đã ứng trước cho Công ty CPTM&TB tàu thủy Đình Đô 5.000.000.000 đồng khi ký hợp đồng kinh tế, số còn lại sẽ chuyển trả DN 1 tháng sau khi nhận tàu.

Sau khi hoàn thành sửa chữa, kế toán dựa trên số liệu ghi chép tính toán và tổng hợp giá thành sửa chữa cũng như đóng mới tàu:

Biểu số 2.13: Phiếu tính giá thành sản phẩm tháng 12/2014**CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ**

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – An Dương – HP

PHIẾU TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM**Tên SP: Tàu 2000 tấn – TB26***Ngày 15 tháng 11 năm 2014**Đơn vị tính: Đồng*

STT	Chi phí DDĐK	Chi phí phát sinh trong kỳ			Chi phí DDCK	Giá thành
		CP NVL	CP nhân công	CP SXC		
	1	2	3	4	5	6
1	0	9.195.087.000	2.569.328.160	2.096.104.840	0	13.860.520.000
TỔNG	0	9.195.087.000	2.569.328.160	2.096.104.840	0	13.860.520.000

*Ngày 15 tháng 12 năm 2014***Kế toán trưởng***(ký, ghi rõ họ tên)***Người lập phiếu***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu số 2.14: Trích sổ NKC năm 2014

CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐỒ
Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
		
03/11	PXK 7/11	03/11	Giá vốn tời kéo tàu biển	632	25.000.000	
				155		25.000.000
		
		
15/11	Phiếu tính Z	15/11	Giá vốn đóng mới tàu TB26	632	13.860.520.000	
				154		13.860.520.000
		
			Cộng SPS		<u>748.934.158.169</u>	<u>748.934.158.169</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Đồng thời ghi sổ cái TK 632, sổ cái giá vốn hàng bán:

Biểu số 2.15: Trích Sổ cái TK 632 năm 2014**CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ****Mẫu số S03b – DN**

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**

Năm 2014

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng		-	-
			SPS trong tháng			
		
03/11	PXK 7/11	03/11	Giá vốn tời kéo tàu biển	156	25.000.000	
			
15/11	Phiếu tính Z	15/11	Giá vốn đóng mới tàu TB26	154	13.860.520.000	
					
30/11	PKT4	30/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		<u>55.772.839.988</u>
			Cộng SPS		<u>55.772.839.988</u>	<u>55.772.839.988</u>
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

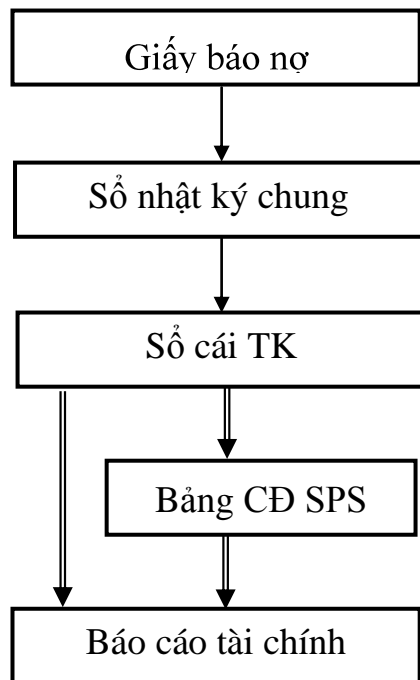
Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

2.2.2.2 Kế toán Chi phí hoạt động tài chính tại Công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô

- Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo nợ
 - Các chứng từ liên quan
 - Tài khoản sử dụng
 - Tk635:” Chi phí tài chính”
- Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 6: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính tại công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô



Ghi chú:

- | | |
|------------------------------|---------|
| Ghi hàng ngày | → |
| Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ | ==> |
| Quan hệ đối chiếu, kiểm tra | ←.....→ |

Ví dụ minh họa: Ngày 26/12/2014, Công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng Á châu về số tiền lãi vay phải trả tháng 12/2014 số tiền 5.000.000đ

Biểu số 2.16: Giấy báo nợ

Ngân hàng TM CP Á Châu	Liên 2 : giao cho khách hàng
GIẤY BÁO NỢ	
Đơn vị: <i>Chi Nhánh Duyên Hải</i>	Số/seri:
MST : <i>0301452948-029</i>	Ngày 26/12/2014
Số tài khoản : <i>88001216111</i>	Ngân hàng Á Châu xin trân trọng thông báo
Kính gửi : <i>Công ty CP TM và TB Tàu thủy</i>	Hôm nay tài khoản của quý khách
MST : <i>0203004486</i>	được ghi nợ như sau
Người hưởng : <i>công ty CP TM và TB Tàu thủy</i>	
Diễn giải : <i>Lãi tiền vay tháng 12/2014</i>	Số tiền
Số tiền ghi nợ	5.000.000
Phí dịch vụ	
Thuế VAT	
Tổng số tiền ghi nợ	5.000.000

Thực hiện giao dịch

CB kiểm soát giao dịch

Người lập

Kiểm soát

Giám đốc

Biểu số 2.15: Trích sổ NKC năm 2014**CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ**

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

Mẫu số S03a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG*Năm 2014**Đơn vị tính: Đồng*

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
		
	UNC564	26/12	Trả lãi tiền vay ngân hàng Á Châu	635	5,000,000	
				11212		5,000,000
		
			Cộng SPS		748,934,158,169	748,934,158,169

*Ngày 31 tháng 12 năm 2014***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.16 : Trích sổ cái TK 635 năm 2014**CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ****Mẫu số S03b – DN**

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng		-	-
			SPS trong tháng			
		
	UNC564	26/12	lãi tiền vay Ngân hàng Á Châu chi nhánh Duyên Hải	11212	5,000,000	
		
			Cộng SPS		<u>612,999,738</u>	<u>612,999,738</u>
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giám đốc**Kế toán trưởng****Người ghi sổ**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp và Chi phí bán hàng tại công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô

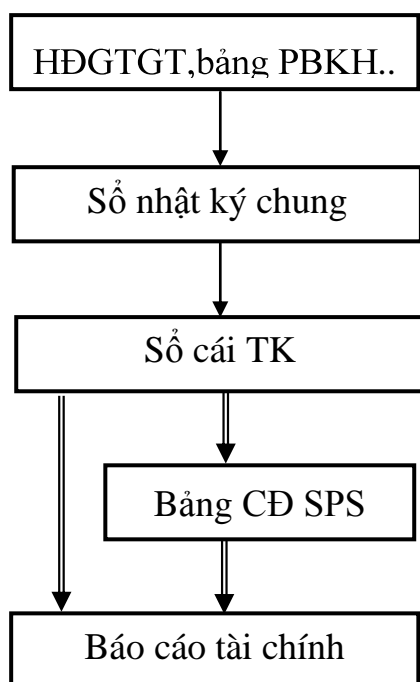
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng tại Công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô chủ yếu là chi phí lương nhân viên quản lý, khấu hao tài sản cố định, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và những chi phí bằng tiền khác.

- *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu kế toán
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Hóa đơn GTGT

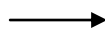
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ liên quan
 - *Tài khoản sử dụng*
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- TK 641 : Chi phí bán hàng
- Và các tài khoản có liên quan khác : TK 111, TK 112.....

Sơ đồ 19: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô



Ghi chú:

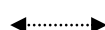
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào những số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 642, 641.....

Cuối kì, kế toán tổng hợp số liệu từ Sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa: Ngày 5/12/2014, công ty thanh toán tiền cước điện thoại bàn tháng 11/2014 cho Công ty Viễn thông Hải Phòng số tiền 515.278 (chưa bao gồm thuế VAT 10%) bằng tiền mặt theo HĐ GTGT số **3518279**

Biểu số 2.17 Hóa đơn GTGT số 3518279

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)

Mẫu số::01GTKT3/001

**TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE
(VAT)**

Kí hiệu :AA/14P

(liên 2: Giao cho người mua)

Số :3518279

Ngày 09/12/2014

Mã số thuế: 0200287977

Đơn vị: Viễn thông Hải Phòng

Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, phường Minh Khai,
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Điện thoại (04)33502782

Tên đơn vị(Customer's name): Công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô

Địa chỉ: Số 414 đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, Huyện An Dương, TP
Hải Phòng

Mã số thuế: 0203004486

Hình thức thanh toán: TM

STT	Dịch vụ sử dụng (KIND OF SERVICE)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Kì cước tháng 12/2014				515.278
		Cộng tiền hàng		515.278	
	Thuế suất GTGT : 10%	%Tiền thuế GTGT		51.528	
		Tổng cộng tiền thanh toán		566.806	
	Số tiền ghi bằng chữ	Năm trăm sáu sáu nghìn tám trăm linh sáu đồng.			

Biểu số 2.18: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty CP TM và TB
tàu thủy Đình Đô

PHIẾU CHI

Mẫu số 02-TT

Số: 92

Địa chỉ: Huyện An dương, tp
Hải Phòng

Ngày 9 tháng 12 năm 2014

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Nợ: 641: 515.278

Nợ 133.1 : 51.528

Có 111: 566.806

Họ và tên người nhận tiền: Lý Quang Hải

Địa chỉ: Văn phòng công ty

Lý do chi: Thanh toán tiền cước điện thoại tháng 11/2014

Số tiền: 566.806

Tổng số tiền bằng chữ : Năm trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm linh sáu đồng

Hải phòng, ngày 05 tháng 12 năm 2014

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận tiền
ký, họ tên)

Ví dụ minh họa : Ngày 05/12/2014 công ty thanh toán tiền in sổ cho công ty TNHH và sản xuất bao bì Tân Lạc Việt bằng tiền mặt 693.000 Đ

Biểu số 2.19 : Hóa đơn GTGT số 0001085

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 2: giao cho người mua) Ngày 05 tháng 12 năm 2014				Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/14P Số: 0001085	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH in và sản xuất bao bì Tân Lạc Việt. Địa chỉ: 111 Trần Huy Liệu- Kiên An-Hải Phòng Mã số thuế: 0202006710 Điện thoại: 0313.571.844					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hữu Sơn Tên đơn vị: Công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô Địa chỉ: số 414 đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, tp Hải Phòng. Hình thức thanh toán: Tiền Mặt Mã số thuế: 0203004486					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phí in sổ và phong bì				630.000
Cộng tiền hàng:					630.000
Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					63.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					693.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn./</i>					

Biểu số 2.20: Phiếu chi số 30

Đơn vị: Công ty CP TM và TB tàu thủy
Đình Đô

PHIẾU CHI
Số: 30

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: số 414- Tôn Đức Thắng- An
Đông- An Dương

Ngày 05 tháng 12 năm 2014

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng
BTC)

Nợ: 642: 630.000

Nợ 133.1 : 63.000

Có 111: 693.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Hữu Sơn

Đơn vị : SS20032- Công ty TNHH in và sản xuất bao bì Tân Lạc Việt.

Địa chỉ: 111 Trần Huy Liệu- KA-HP

Lý do chi: Thanh toán in sổ và phong bì

Số tiền: 693.000 đồng

(Viết bằng chữ): sáu trăm chín ba nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 12 năm 2014

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận tiền
(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Sáu trăm chín ba nghìn đồng chẵn.

Biểu số 2.17 : Trích sổ NKC năm 2014**CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ**

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

Mẫu số S03a – DN(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
		
	PC30	05/12	Thanh toán tiền in sổ và bao bì	642	630.000	
				133	63.000	
				111		693.000
	PC92	09/12	Trả tiền cước điện thoại	642	515,278	
				133	51,528	
				111		566.806
			Cộng SPS		<u>748.934.158.169</u>	<u>748.934.158.169</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18: Trích sổ cái TK 641 năm 2014**CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ****Mẫu số S03b – DN**

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI*(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**Năm 2014*

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng		-	-
			SPS trong tháng			
		
	PC92	09/12	Trả tiền cước điện thoại	111	515,278	
		
			Cộng SPS		<u>20,323,521,532</u>	<u>20,323,521,532</u>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2014***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.19: Trích sổ cái TK 642 năm 2014**CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ****Mẫu số S03b – DN**

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI*(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**Năm 2014*

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng		-	-
			SPS trong tháng			
		
	PC30	05/12	Thanh toán tiền in sổ và bao bì	111	630.000	
		
			Kết Chuyển CP QLDN			9,004,873,262
			Cộng SPS		9,004,873,262	9,004,873,262
			Số dư cuối tháng			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2014***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)***2.2.2.4. Kế toán chi phí khác :**

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu chi
 - Các chứng từ khác
- Tài khoản sử dụng
 - TK811”chi phí khác”
 - TK8111:Bồi thường,bị phạt và chi phí khác
 - TK8112 Chi phí khác: Thanh lý,nhượng bán TSCĐ
 - TK8113:chi phí khác

Ví dụ minh họa: Ngày 28 tháng 12 năm 2014, nhượng bán xe ô tô Toyota 16H 7384 (Số khung: 5AF987653, Số máy: FPYC790542, bốn chỗ), số tiền thu được là 350.000.000đ (chưa VAT 10%). Công ty đã nhận bằng tiền gửi ngân hàng.

Biểu số 2.20(tương tự biểu số 2.9)

Biểu số 2.21: Trích sổ NKC năm 2014

CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

Mẫu số S03a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
		
	PKT 7	28/12	Thanh lý oto Toyota cho công ty CP LISEMCO2	214	446,000,000	
				211		446,000,000
				811	400,000,000	
				211		400,000,000
		
			Cộng SPS		<u>748,934,158,169</u>	<u>748,934,158,169</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.22 : Trích sổ cái TK811**CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ****Mẫu số S03b – DN**

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng		-	-
			SPS trong tháng			
		
	Pkt7	28/12	Thanh lý oto toyota	211	400,000,000	
		
	KT23	31/12	Kết chuyển CP khác	911		576,867,324
			Cộng SPS		576,867,324	576,867,324

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô.

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kì.

Công ty xác định kết quả kinh doanh vào ngày 31/12 hàng năm, khi kết thúc năm tài chính.

- Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

Các chứng từ liên quan

- Tài khoản sử dụng
- TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối
- TK 821 : Chi phí thuế TNDN
- Và các tài khoản liên quan khác: TK 511, TK 632.....

Từ phiếu kế toán, kế toán phản ánh vào Sổ Nhật ký chung và Sổ cái các tài khoản có liên quan. Kế toán tổng hợp số liệu từ Sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ : Ngày 31/12/2014, kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của năm 2014 như sau :

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 87.287.495.979
- Doanh thu hoạt động tài chính: 107.625.140
- Thu nhập khác: 1.166.912.575
- Giá vốn hàng bán: 55.772.839.988
- Chi phí tài chính: 612.999.738
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 9.004.873.262
- Chi phí bán hàng: 20.323.521.532
- Chi phí khác: 576.867.324

Kết quả kinh doanh	=	Doanh thu thuần	-	Giá vốn	+	Doanh thu tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí QLDN	-	Chi phí bán hàng	+	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
-----------------------------	---	-----------------------	---	------------	---	---------------------------	---	-------------------------	---	-----------------	---	---------------------------	---	---------------------	---	--------------------

$$\text{Kết quả kinh doanh} = 87.287.495.979 - 55.772.839.988 + 107.625.140 - 612.999.738 - 9.004.873.262 - 20.323.521.532 + 1.166.912.575 - 576.867.324 = 2.174.069.224$$

$$\text{Thuế TNDN} = 2.174.069.224 * 20\% = 434.813.845$$

- Cuối kì, kế toán lập các phiếu kế toán để ghi nhận bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .

- Căn cứ vào phiếu kế toán đã lập ghi vào Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 911 và các sổ cái TK liên quan khác. Từ sổ cái, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, từ Sổ cái và bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Bảng biểu số 2.23 : Phiếu hạch toán

Công ty: CP TM và TB tàu thủy Đình Đô

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: số 414 đại lộ Tôn Đức Thắng, xã

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Đông, huyện An Dương, tp Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

SỐ: 54

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	87.287.495.979
2	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	107.625.140
3	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	1.166.912.575
		Cộng			88.465.171.068

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.24 : Phiếu hạch toán số 55*Công ty: CP TM và TB tàu thủy Đình Đô***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM***Địa chỉ: số 414 đại lộ Tôn Đức Thắng, xã*

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*An Đông, huyện An Dương, tp Hải Phòng***PHIẾU HẠCH TOÁN**

SỐ: 55

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	55.772.839.988
2	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	612.999.738
3	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	20.323.521.532
4	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	9.004.873.262
5	31/12	Kết chuyển CP khác	911	811	576.867.324
		Cộng			86.291.101.844

*Kèm theo chứng từ gốc**Ngày 31 tháng 12 năm 2014***Giám đốc****Kế toán trưởng****Người lập**

Bảng biểu số 2.25 : Phiếu hạch toán số 55*Công ty: CP TM và TB tàu thủy Đình Đô***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM***Địa chỉ: số 414 đại lộ Tôn Đức Thắng, xã*

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*An Đồng, huyện An Dương, tp Hải Phòng***PHIẾU HẠCH TOÁN**

SỐ: 55

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Thuế TNDN tạm nộp trong năm	333.4	821	
2	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	333.4	434.813.845
		Cộng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập**Kế toán trưởng****Giám đốc**

Bảng biểu số 2.25 : Phiếu hạch toán số 56**Công ty:** CP TM và TB tàu thủy Đình Đô**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Địa chỉ:** số 414 đại lộ Tôn Đức Thắng, xã

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Đồng, huyện An Dương, tp Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

SỐ: 56

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN	911	821	434.813.845
		Cộng			434.813.845

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập**Kế toán trưởng****Giám đốc**

Biểu số 2.26 : Phiếu hạch toán số 57**Công ty:** CP TM và TB tàu thủy Đình Đô**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Địa chỉ:** số 414 đại lộ Tôn Đức Thắng, xã

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Đồng, huyện An Dương, tp Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN**SỐ: 57****Ngày 31 tháng 12 năm 2014**

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN	911	421	1,739,255,379
		Cộng			1,739,255,379

Giám đốc**Kế toán trưởng****Người lập**

Biểu số 2.27: Trích sổ NKC năm 2014**CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐỒ**

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

Mẫu số S03a – DN(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
		
31/12	PHT 54	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511	87.287.495.979	
				911		87.287.495.979
31/12	PHT 54	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	107.625.140	
				911		107.625.140
31/12	PHT 54	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711	1.166.912.575	
				911		1.166.912.575
31/12	PHT 55	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	55.772.839.988	
				632		55.772.839.988
31/12	PHT 55	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	612.999.738	
				635		612.999.738
31/12	PHT 55	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	20.323.521.532	
				641		20.323.521.532
31/12	PHT 55	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	9.004.873.262	
				642		9.004.873.262
31/12	PHT 55	31/12	Kết chuyển CP khác	911	576.867.324	
				811		576.867.324
31/12	PKT 56	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911	434.813.845	
				821		434.813.845
31/12	PKt 57	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	1,739,255,379	
				421		1,739,255,379
			Cộng SPS		748.934.158.169	748.934.158.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: Trích Sổ cái TK 821 năm 2014**CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ****Mẫu số S03b – DN**

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)****Năm 2014**

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng		-	-
			SPS trong tháng			
	PKT30	31/12	Xác định thuế TNDN năm 2014	3334	434.813.845	
	PKT 56	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN	911		434.813.845
			Cộng SPS		434.813.845	434.813.845

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số : Trích Sổ cái TK 911 năm 2014**CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ****Mẫu số S03b – DN**

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)***Năm 2014*

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng		-	-
			SPS trong tháng			
	PKT54	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511		87.287.495.979
	PKT54	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515		107.625.140
	PKT54	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		1.166.912.575
	PKT55	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	55.772.839.988	
	PKT55	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	612.999.738	
	PKT55	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	20.323.521.532	
	PKT55	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	9.004.873.262	
	PKT55	31/12	Kết chuyển CP khác	811	55.772.839.988	
	PKT56	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN	821	434.813.845	
	PKT57	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN	421	1.739.255.379	
			Cộng SPS		<u>88.465.171.068</u>	<u>88.465.171.068</u>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2014***Giám đốc****Kế toán trưởng****Người ghi sổ***(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)*

Biểu số : Trích Sổ cái TK 421 năm 2014**CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ****Mẫu số S03b – DN**

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**

Năm 2014

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng		-	-
			SPS trong tháng			

	PKT	31/12	Kết chuyển lợi nhuận	911	1.739.255.379	
			Cộng SPS		1.739.255.379	<u>1,755,698,888</u>
			SDCK			<u>14,482,250,598</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Công ty : CP TM và TB Tàu Thủy Đình Đô*Đ/C : số 414 Tôn Đức Thắng- An Đông*

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	87,287,495,979	85,853,683,940
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 01-02)	10		87,287,495,979	85,853,683,940
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	55,772,839,988	56,084,561,040
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31,514,655,991	29,769,122,900
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	107,625,140	1.295,968,240
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	612,999,738	1,192,634,160
	Trong đó : chi phí lãi vay	23		529,917,280	
8	Chi phí bán hàng	24		20,323,521,532	19,582,885,430
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9,004,873,262	9,172,861,200
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		750,886,599	1,116,710,350
11	Thu nhập khác	31		1,166,912,575	607,772,732
12	Chi phí khác	32		576,867,324	327,106,046
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		590,045,251	280,666,686
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.174.069.224	397,377,036
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	434.813.845	349,344,259
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.739.255.379	1,048,032,777
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Chương 3:**CÁC GIẢI PHÁP NHẪM XÁC ĐỊNH CHÍNH XÁC KẾT QUẢ
TỪNG HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY
ĐÌNH ĐÔ****3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và thiết bị tàu thủy Đình Đô.****3.1.1 Kết quả đạt được :**

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô. Bởi vì việc hạch toán này phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin giúp cho ban lãnh đạo có những quyết định vào kinh doanh tốt nhất và có chiến lược kịp thời đúng đắn.

Công ty CP TM và TB tàu thủy Đình Đô là một doanh nghiệp lâu năm, trong quá trình phát triển ban lãnh đạo của công ty đã đi tìm cho mình hướng đi phù hợp với khả năng đa dạng sản phẩm. Để có những kết quả như hiện nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý khoa học và chặt chẽ.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, em nhận thấy tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả sau:

3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán :

- Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị.

- Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung mà toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp được tiến hành tập trung tại phòng kế toán doanh nghiệp.
Ưu điểm :

Là tạo điều kiện thuận lợi để vận dụng các phương tiện kỹ thuật tính toán hiện đại, bộ máy kế toán ít nhân viên nhưng đảm bảo được việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời cho việc quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bộ phận kế toán của công ty có 6 người bao gồm một kế toán trưởng, một kế toán tổng hợp, một thủ quỹ, một kế toán kho, một kế toán ngân hàng và một kế toán thuế rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao (Trình độ từ ĐH trở lên) giúp cho công tác kế toán tại công ty được thực hiện kịp thời và chính xác.

- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên việc đối chiếu, kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh :

- Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng :

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, dùng với mẫu do bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng kịp thời.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ.

- Về tổ chức hệ thống sổ kế toán :

- Công ty mở đầy đủ sổ sách theo hình thức Nhật ký chung (Sổ nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi tiết....)

- Công ty áp dụng theo hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, dễ dàng cho việc theo dõi kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách liên quan.

- Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty :

Hạch toán doanh thu, chi ***về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán*** phí và xác định kết quả kinh doanh các nghiệp vụ kinh tế đúng chế độ kế toán và chuẩn mực hiện hành.

+) Về hạch toán doanh thu :

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được ghi nhận đầy đủ và kịp thời đảm bảo chính xác với nguyên tắc ghi nhận doanh thu chi phí.

+) Về hạch toán chi phí :

Các chi phí phát sinh như quản lý kinh doanh được hạch toán đầy đủ và kịp thời

+) Về hạch toán xác định kết quả kinh doanh :

Cuối năm , công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại CT CPTM&TB tàu thủy Đình Đô

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

Thứ nhất, về hệ thống sổ sách hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán: Hiện tại, về việc hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán, kế toán chỉ sử dụng 2 sổ cái TK 511 và sổ cái TK632 mà không sử dụng các sổ chi tiết phục vụ cho các tài khoản này.

Do đó việc hạch toán doanh thu chưa thật chi tiết và chưa phản ánh được doanh thu chủ yếu của Công ty là đóng mới tàu hay do sửa chữa tàu...Điều này sẽ làm cho Ban quản lý dễ bị nhầm lẫn, từ đó Ban giám đốc sẽ không đưa ra

được nhiều định hướng và các biện pháp kinh tế đúng đắn nhằm cân đối giữa các mặt hàng do Công ty cung cấp, nhằm tối đa hoá lợi nhuận..

Thứ hai, về việc chưa xây dựng chính sách về chiết khấu thanh toán cho khách hàng trả nợ trước thời hạn

Thứ ba, về việc chưa áp dụng chính sách marketing: Công ty chưa thực hiện hoạt động nghiên cứu và xây dựng chiến lược marketing hợp lý, do đó một số chính sách của công ty thường bị động, mang tính đối phó với sự thay đổi của thị trường. Từ đó dẫn đến việc lập chiến lược kinh doanh chưa hợp lý.

Thứ tư, về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán: Hiện nay, việc ghi chép kế toán ở Công ty còn thủ công nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như mất thời gian, dễ gây nhầm lẫn, sai sót, không hiệu quả...chính vì thế mà Báo cáo tài chính của công ty đôi khi chậm trễ về thời gian, khi có sai sót thì khó phát hiện ra.

3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM&TB tàu thủy Đình Đô

3.3.1. Giải pháp 1: Tiến hành mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.

Hiện tại, công ty đang hoạt động trong hai lĩnh vực là đóng mới tàu và sửa chữa tàu theo yêu cầu của khách hàng. Vì vậy, công ty cũng nên mở sổ chi tiết doanh thu bán hàng và sổ chi tiết hàng bán theo từng lĩnh vực

Dưới đây là hai mẫu sổ chi tiết gồm Sổ chi tiết doanh thu và Sổ chi tiết GVHB dùng cho hoạt động đóng tàu chở hàng.

CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

SỔ CHI TIẾT DOANH THU (CÁC KHOẢN THU DO BÁN HÀNG)

Loại hoạt động: Đóng tàu

Tên sản phẩm (hàng hóa dịch vụ): Tàu chở hàng

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Doanh thu bán hàng			Gh i chú
	SH	NT		SL	Đơn giá	Thành tiền	
15/11	HĐ 0000636	15/11	Doanh thu tàu TB26	1	14.527.927.000	14.527.927.000	
			
			Tổng cộng			57.547.504.800	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)**CÔNG TY CPTM&TB TÀU THỦY ĐÌNH ĐÔ**

Số 414 Tôn Đức Thắng – An Đồng – AD – HP

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Loại hoạt động: Đóng tàu

Tên sản phẩm (hàng hóa dịch vụ): Tàu chở hàng

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Doanh thu bán hàng			Gh i chú
	SH	NT		SL	Đơn giá	Thành tiền	
15/11	Phiếu tính Z	15/11	Giá vốn tàu TB26	1	13.860.520.000	13.860.520.000	
			
			Tổng cộng			45.920.803.961	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

Tác dụng của việc mở các sổ chi tiết cho các tài khoản 511 và 632:

+ Giúp phân biệt được từng loại doanh thu cũng như giá vốn, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nào có hiệu quả, từ đó có các chính sách, biện pháp nên tăng doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào và nên giảm doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào. Từ đó các nhà lãnh đạo sẽ mở rộng đầu tư máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình cung cấp hàng hoá, dịch vụ nhằm thu được hiệu quả kinh tế cao nhất.

+ Giúp cho nhà quản lý xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ cho từng loại sản phẩm hàng hóa.

3.3.2. Giải pháp 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:

Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán nhiều hơn nữa, bởi vì sử dụng chính sách này sẽ giúp cho khách hàng nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu.

+ Phương pháp xác định: Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng khối ngành tương đồng về quy mô.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả trước nợ và tỉ lệ lãi suất ngân hàng.

Khoản chiết khấu thanh toán có thể áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu thanh toán này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

+ Phương pháp hạch toán:

○ Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK635 : Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111, 112, 131....

○ Cuối kì kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK911

Nợ TK911 : Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

3.2.3. Giải pháp 3: Tiến hành việc áp dụng chính sách marketing trong công tác bán hàng.

Để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả bán hàng, việc tăng cường các hoạt động marketing là rất cần thiết.

Một số hoạt động nhằm nâng cao vị thế cũng như đưa tên tuổi công ty đến gần với các khách hàng hơn bao gồm như: quảng cáo trên tivi, trên báo, tạp chí, lập website riêng, thành lập các đội khảo sát thị trường đến các địa điểm được khảo sát trước nhằm quảng bá hình ảnh của công ty....

Tuy nhiên, công ty cần cân nhắc các hoạt động này có ảnh hưởng đến lợi nhuận cũng như các chiến lược kinh doanh của công ty hay không? Việc quảng cáo trên các thông tin đại chúng có thể tiêu tốn của công ty từ vài triệu đến vài chục triệu tùy vào các hoạt động khác nhau. Việc này làm tăng các chi phí và giảm lợi nhuận cho công ty. Tuy nhiên, việc sử dụng các hoạt động quảng cáo này sẽ đưa tên tuổi cũng như thương hiệu đến gần với khách hàng hơn. Từ đó thu hút được nhiều khách hàng đến với công ty hơn.

3.3.4. Giải pháp 4: Ứng dụng phần mềm kế toán

Trong nền kinh tế thị trường càng ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng phát triển khiến nhu cầu nhận và xử lý thông tin cũng trở nên khó khăn, phức tạp nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức.

Phần mềm kế toán cung cấp nhanh chóng bất cứ thông tin nào về số liệu và báo cáo kế toán, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí tăng cường tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự, làm gia tăng giá trị thương hiệu đối với các khách hàng và nhà đầu tư.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như : MISA, FAST,DMA,ASOFT,METADATA, AACCOUNTING.....

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán như sau :

- Được tiêu chuẩn nhiều lần: phần mềm kế toán được xây dựng dựa trên khối thống nhất với các chế độ kế toán hiện hành.
- Hiệu quả vượt trội, tính năng cao: phần mềm giúp tiết kiệm được rất nhiều thời gian và nhân lực so với kế toán thủ công. Phần mềm cho phép

thực hiện tự động các bút toán, phân bổ kết chuyển cuối kì dựa trên các thông tin khai báo, cũng có thể dễ dàng sửa chữa khi có sai sót.

- Đơn giản, đầy đủ, dễ sử dụng: Phần mềm đơn giản, dễ sử dụng nhưng có sự chuyên môn hóa cao. Giao diện làm việc đơn giản nhưng đầy đủ các yếu tố, thân thiện với người sử dụng. Phần mềm kế toán giúp người sử dụng xem từ chi tiết đến tổng hợp và ngược lại, giúp người dùng lập báo cáo tài chính ở bất cứ thời điểm nào.

- Bảo mật, an toàn dữ liệu tuyệt đối: Phần mềm kế toán có tính bảo mật rất cao, giúp bảo vệ dữ liệu cho người sử dụng.

Sau đây em xin được đưa ra giao diện các phần mềm kế toán :

PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA SME.NET 2012



PHẦN MỀM KẾ TOÁN ASOFT-T



KẾT LUẬN

Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng.

Đề tài đã mô tả và phân tích thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TM và TB tàu thủy Đình Đô theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính. Qua quá trình thực tập được tiếp cận thực tế tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng của công ty còn tồn tại những nhược điểm chính sau:

- Kế toán chưa hạch toán rõ chi tiết các khoản doanh thu và giá vốn khiến ban lãnh đạo của công ty khó hoạch định chiến lược.
- Công ty chưa chú trọng vào việc xây dựng chiến lược marketing cũng như quảng cáo hình ảnh của công ty.
- Chưa đa dạng hóa các phương thức hạch toán bán hàng.

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng nhằm xác định chính xác kết quả từng hoạt động tại Công ty TM và TB tàu thủy Đình Đô, cụ thể:

- Kiến nghị công ty áp dụng phần mềm kế toán để hiện đại hóa công tác kế toán, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác kế toán, phục vụ công tác mở, ghi, khóa sổ kế toán và lập báo cáo tài chính nhanh chóng, chính xác, kịp thời.
- Kiến nghị công ty nên toán rõ chi tiết các khoản doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán để làm hệ thống sổ sách khoa học hơn, chi tiết hơn.
- Kiến nghị công ty nên chú trọng vào việc xây dựng chiến lược marketing cũng như quảng cáo hình ảnh của công ty
- Kiến nghị công ty nên xây dựng chính sách về chiết khấu thanh toán cho khách hàng trả nợ trước thời hạn.